

**HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐÃ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TỪ NĂM 2022 TRỞ VỀ TRƯỚC ĐẾN NAY VẪN ĐANG THỰC HIỆN**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
<b>I</b>	<b>Phần mềm do Trung ương đầu tư (nếu có)</b>				
<b>1</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>				
-	Hệ thống CSDL toàn ngành	2018	Việc lưu dữ liệu phục vụ công tác thống kê, báo cáo khá hiệu quả	Chỉ có chức năng QL DL phục vụ công tác báo cáo	Đã liên thông với CSDL dân cư
-	Hệ thống phần mềm điều tra phổ cập giáo dục	2016	Hệ thống phục vụ công tác điều tra và quản lý dữ liệu để báo cáo	Hệ thống thường xuyên quá tải, làm cơ bản thủ công, chưa kết nối với bất kỳ CSDL nào	Chưa kết nối
-	Hệ thống phần mềm quản lý tập huấn chương trình SGK phổ thông năm 2018	2020	Thực hiện hỗ trợ tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng online	Không liên thông với CSDL ngành, không liên thông CSDL dân cư	Chưa kết nối
<b>2</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>				
-	Hệ thống phần mềm CSDL Quản lý cấp, đổi giấy phép lái xe	2013	Phần mềm quản lý giúp cho việc tra cứu thông tin GPLX được thuận tiện, bảng kê danh sách, thống kê báo cáo năm đầy đủ các thông tin		Đã kết nối chia sẻ dữ liệu về dân cư định danh và xác thực điện tử với cơ sở dữ liệu cấp đổi giấy phép lái xe
<b>3</b>	<b>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội</b>				
	Đầu tư trang thiết bị, phần mềm và số hóa hồ sơ người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2021	Hiện đang triển khai thực hiện, chưa chính thức đưa vào sử dụng nên chưa có cơ sở đánh giá		Chưa kết nối
<b>4</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
-	Cơ sở dữ liệu quốc gia về mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói xuất khẩu	2021	Phục vụ tốt cho quá trình tổng hợp, lưu trữ dữ liệu để thống kê, báo cáo.		Chưa kết nối
-	Cơ sở dữ liệu ngành Trồng trọt	2022	Giúp cập nhật chính xác, kịp thời các dữ liệu về trồng trọt như: Giống cây trồng, đất trồng trọt, vùng trồng có sự kết nối chủ động, chia sẻ thông tin hai chiều giữa cơ quan quản lý nhà nước và người dân, doanh nghiệp hoạt động trong ngành trồng trọt	Một số nội dung của phần mềm đang trong quá trình chạy thử nghiệm và hoàn thiện nên chưa có sự thống nhất trong tổ chức thực hiện tại địa phương	Chưa kết nối
-	Ứng dụng phần mềm tra cứu thuốc bảo vệ thực vật trên điện thoại thông minh	2021	Cập nhật thường xuyên đầy đủ danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam (cập nhật hàng năm). Cung cấp thông tin cần thiết giúp nông dân phòng trừ dịch hại, gồm: Các quy trình phòng trừ dịch hại, hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV an toàn, các cảnh báo ngành hàng, Bộ tài liệu tập huấn về một số loại cây trồng như rau, quả, chè, cà phê		Chưa kết nối

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
-	Ứng dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS 4.0 Desktop	2016	Phục vụ cập nhật, báo cáo diễn biến rừng hiệu quả		Đồng bộ số liệu trên hệ thống theo dõi diễn biến rừng của toàn quốc; Chưa kết nối với cơ sở dữ liệu khác
-	Ứng dụng di động đo đếm và báo cáo diễn biến rừng FRMS mobile	2016	Phần mềm giúp nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát tài nguyên rừng qua máy tính bảng. Đặc biệt với việc sử dụng phần mềm theo dõi diễn biến rừng có kết nối internet đã giúp cho các đơn vị sớm phát hiện những dấu hiệu bất thường về rừng: như cháy rừng, phá rừng... qua đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời.		Chưa kết nối với cơ sở dữ liệu khác
-	Phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã	2021	Việc quản lý, theo dõi về cơ sở nuôi động vật hoang dã được thực hiện dễ dàng, nhanh chóng, ứng dụng giúp cung cấp các báo cáo chi tiết, số theo dõi phục vụ cơ sở nuôi, quản lý theo dõi biến động, sinh sản của cơ sở trong một thời gian bất kỳ theo yêu cầu quản lý.		Thiết lập quản lý, theo dõi từ Trung ương đến các địa phương; Chưa kết nối với cơ sở dữ liệu khác
-	Giám sát đánh giá chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	2021	Cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về giám sát, đánh giá các chỉ tiêu ngành Lâm nghiệp, thực hiện từ năm 2020, tốt		Chưa kết nối với cơ sở dữ liệu khác
-	Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý năng lực giám sát và đánh giá ngành kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	2022	Giúp cơ quan quản lý nhà nước dễ dàng quản lý dữ liệu về HTX nông nghiệp trên địa bàn		Chưa kết nối
<b>5</b>	<b>Sở Xây dựng</b>				
	Cấp chứng chỉ hành nghề (BXD)	2013	Phục vụ việc tiếp nhận hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề điện tử, quản lý hồ sơ được cấp của tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin quốc gia về năng lực hành nghề; dễ dàng tra cứu dữ liệu khi sử dụng thông tin từ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Không kết nối với phần mềm một cửa và CSDL dùng chung tỉnh Bắc Kạn được	Chưa kết nối
	Chỉ số giá (BXD)	2012	Phục vụ tốt công tác tổng hợp, phân tích đánh giá chỉ số giá trong xây dựng, cung cấp thông tin về chỉ số giá phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng chỉ số giá, đánh giá biến động giá cả trong thiết kế, thi công công trình xây dựng	Không kết nối với phần mềm một cửa và CSDL dùng chung tỉnh Bắc Kạn được	Chưa kết nối

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
	Thông tin nhà ở và thị trường bất động sản (BXD)	2020	Phục vụ tốt công tác tổng hợp, phân tích đánh giá về thị trường Bất động sản, hỗ trợ phân tích, thống kê phục vụ cho công tác chỉ đạo, lãnh đạo đối với thông tin thị trường nhà ở và bất động sản trong cả nước của Lãnh đạo Bộ trên cổng thông tin quốc gia	Không kết nối với phần mềm một cửa và CSDL dùng chung tỉnh Bắc Kạn được	Chưa kết nối
	Báo cáo về lĩnh vực môi trường (BXD)	2020	Phục vụ cập nhật thông tin về môi trường trong hoạt động xây dựng, tổng hợp phân tích, thống kê chỉ số môi trường dạng biểu mẫu, xử lý dữ liệu thủ công	Không kết nối với phần mềm một cửa và CSDL dùng chung tỉnh Bắc Kạn được	Chưa kết nối
	Hệ thống thông tin báo cáo thống kê (BXD)	2018	Phục vụ cập nhật thông tin tổng hợp, phân tích, thống kê các chỉ tiêu phục vụ công tác thống kê, tổng hợp ngành xây dựng, xử lý dạng biểu mẫu, thủ công, Cung cấp thông tin thống kê phục vụ cho lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Xây dựng	Không kết nối với phần mềm một cửa và CSDL dùng chung tỉnh Bắc Kạn được	Chưa kết nối
<b>6</b>	<b>Sở Y tế</b>				
	Quản lý tiêm chủng Covid-19	2020	Giúp cán bộ Y tế xây dựng kế hoạch, quản lý, theo dõi tình hình tiêm chủng trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp số liệu chính xác, kịp thời.		Chưa kết nối
	Bác sỹ cho mọi nhà	2020	Hỗ trợ tư vấn cho các đối tượng vùng sâu vùng xa, đặc biệt đối với các đơn vị bị chia cắt về địa lý. Giúp người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế và được tư vấn sức khỏe kịp thời.	Chưa kết nối được với các ứng dụng để hội chẩn, chỉ ứng dụng khám trên điện thoại	Chưa kết nối
	Đơn thuốc quốc gia	2022	Chuẩn hóa chất lượng đơn thuốc, công khai minh bạch trong kê đơn. Không chế việc lạm dụng kê đơn, tránh việc đơn thuốc sử dụng nhiều lần.		Chưa kết nối
<b>7</b>	<b>Sở Tài chính</b>				
-	Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (Tabmis)	2012	Phần mềm giúp quản lý dự toán ở tất cả các cấp ngân sách, hỗ trợ việc phân bổ dự toán ngân sách, cập nhật dự toán, giải ngân các khoản dự trữ ngân sách và lập dự toán cho các năm ngân sách tiếp theo; cơ quan tài chính thực hiện khai thác báo cáo thu chi ngân sách trực tiếp trên hệ thống, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý ngân sách nhà nước	Thời điểm cuối năm và đầu năm thường xảy ra hiện tượng quá tải trên hệ thống ảnh hưởng đến công tác nhập liệu của cơ quan tài chính, kho bạc nhà nước và việc thanh toán của các đơn vị sử dụng ngân sách	Liên thông kết nối với Kho bạc nhà nước và cơ quan tài chính từ Trung ương đến địa phương
-	Phần mềm Quản lý công trình nước sạch nông thôn	2015	Theo dõi dữ liệu về các công trình nước sạch nông thôn thuộc tỉnh quản lý; cập nhật biến động tăng, giảm; xuất dữ liệu tổng hợp báo cáo Bộ tài chính theo quy định.		Kết nối với Phần mềm Kho cơ sở dữ liệu quốc gia tài sản công
-	Phần mềm tổng hợp số liệu kiểm kê tài sản hạ tầng giao thông đường bộ	2016	Theo dõi dữ liệu về tài sản hạ tầng giao thông đường bộ thuộc tỉnh quản lý; cập nhật biến động tăng, giảm của tài sản; xuất dữ liệu tổng hợp toàn tỉnh báo cáo Bộ tài chính theo quy định.	Phần mềm chưa cập nhật hao mòn của tài sản theo Thông tư mới ban hành	Kết nối với Phần mềm Kho cơ sở dữ liệu quốc gia tài sản công

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
-	Phần mềm Quản lý tài sản công	2021	Theo dõi dữ liệu về tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; cập nhật biến động tăng, giảm, thay đổi thông tin của tài sản công; xuất dữ liệu tổng hợp về tài sản công toàn tỉnh báo cáo Bộ tài chính theo quy định.	Thời điểm cuối năm và đầu năm do số lượng người truy cập vào phần mềm lớn nên ảnh hưởng đến quá trình, thời gian nhập liệu; Phần mềm không có chức năng xuất dữ liệu tổng hợp sau khi các đơn vị nhập liệu.	Kết nối với Phần mềm Kho cơ sở dữ liệu quốc gia tài sản công
-	Phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Bắc Kạn	2021	Theo dõi báo cáo giá cả thị trường, kết quả thẩm định giá mua sắm hàng hóa dịch vụ, bảng giá đất, giá dịch vụ y tế, giá nước sạch sinh hoạt, trên địa bàn tỉnh.		Chưa kết nối
<b>II</b>	<b>Phần mềm do tỉnh đầu tư</b>				
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>				
-	Hệ thống thông tin ngành nông nghiệp phục vụ công tác quản lý và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Là dự án thuộc đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh do Trung tâm địa tin học - Đại học Nông lâm Thái nguyên chủ trì thực hiện xây dựng; chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng)	2021	Hiện đang triển khai thực hiện, chưa chính thức đưa vào sử dụng nên chưa có cơ sở đánh giá		Chưa kết nối
<b>2</b>	<b>Sở Xây dựng</b>				
-	Phần mềm và CSDL công bố quy hoạch	2020	Khai thác thông tin về quy hoạch thuận lợi, nhanh chóng	- Cần bổ sung thêm một số tính năng giám sát, quản lý thông tin công trình, cấp phép xây dựng và kết nối thông tin các công trình khác như giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật... - Chưa thực hiện kiểm thử, đánh giá an toàn hệ thống	Đã kết nối hoàn chỉnh với các phần mềm của tỉnh và CSDL dùng chung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh từ tháng 1/2023
<b>3</b>	<b>Sở Y tế</b>				
-	Phần mềm quản lý bệnh viện	2017	Thực hiện giám định tự động bằng hệ thống phần mềm thay thế cho việc giám định bằng bệnh án giấy và cán bộ giám định, từ đó giúp giảm số lượng cán bộ, thời gian thực hiện		Hệ thống giám định bảo hiểm y tế
-	Hồ sơ sức khỏe toàn dân	2019	Giúp cán bộ y tế xem tổng quan được hồ sơ, lịch sử khám chữa bệnh của từng người dân. Quản lý được chính xác theo thời gian thực về mô hình bệnh tật trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, giúp người dân tự quản lý thông tin sức khỏe cá nhân đồng nhất trên môi trường mạng		Phần mềm quản lý bệnh viện HIS, phần mềm quản lý trạm Y tế xã
<b>4</b>	<b>Sở Tài chính</b>				
-	Phần mềm Quyết toán ngân sách nhà nước		Việc khai thác số liệu thu, chi đối với từng đơn vị sử dụng ngân sách được thực hiện tương đối dễ dàng và nhanh chóng	Tính kết nối giữa phần mềm và phần mềm Tabmis của Bộ Tài chính không có tính ổn định cao, việc khai thác số liệu của cơ quan tài chính thường phải thông qua hỗ trợ của đơn vị cung cấp phần mềm	Kết nối với phần mềm Tabmis

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
5	<b>Sở Nội vụ</b>				
	Phần mềm quản lý thông tin CBCCVC và hợp đồng 68	2020	<p>- Theo dõi quá trình biến đổi thông tin của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình công tác từ khi bắt đầu vào cơ quan cho đến nghỉ hưu.</p> <p>- Hệ thống giúp các đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ công chức, viên chức quản lý hồ sơ nhân sự hiệu quả, giảm chi phí, thời gian, công sức, thuận tiện trọng việc tra cứu tìm kiếm hồ sơ cán bộ công chức, viên chức.</p>	Các trường thông tin về CBCCVC chưa đáp ứng về số lượng theo yêu cầu của CSDLQG về CBCCVC ( <i>không đủ 109 trường thông tin</i> ) theo mẫu Sơ yếu lý lịch hợp nhất giữa mẫu 2c của Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ;	
	Phần mềm xác định Chi số cải cách hành chính	2022	Đánh giá, chấm điểm, xếp hạng, phân loại Chi số cải cách hành chính của các sở, ngành; UBND huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn qua phần mềm đảm bảo tính chính xác, công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm kinh phí in ấn các loại hồ sơ kiểm chứng đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo các lĩnh vực đánh giá ( <i>trên phần mềm chỉ cần đính kèm bản điện tử các loại hồ sơ mà không phải in ấn</i> ), lưu trữ kết quả của từng năm theo thời gian để tra cứu		
6	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>				
-	Cơ sở dữ liệu đất đai	2014	Các nghiệp vụ chuyên môn về quản lý đất đai được thao tác và xử lý trực tiếp trên phần mềm và thực hiện trên môi trường mạng (truy vấn, khai thác dữ liệu đất đai; quản lý quy trình cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai; dịch vụ đăng ký đất đai; thống kê, kiểm kê đất đai; các bản đồ hiện trạng sử dụng đất; bản đồ về quy hoạch sử dụng đất, bản đồ giá đất,...) phục vụ tốt công tác chuyên môn trong quản lý thông tin đất đai, chỉnh lý biến động đất đai, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhanh gọn, chính xác, từ đó phục vụ tốt công tác quản lý tài nguyên môi trường của ngành.		Đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
-	Cơ sở dữ liệu môi trường	2019	<p>Phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước của các cơ quan, đơn vị về môi trường, tạo đầu mối cung cấp thông tin, dữ liệu một cách chính xác, thống nhất tiến tới hình thành một hệ thống quản lý CSDL GIS tập trung về môi trường, phần mềm hỗ trợ đắc lực trong công tác quản lý môi trường một cách tổng thể, cung cấp thông tin một cách trực quan, chính xác, nhanh chóng.</p> <p>Phần mềm đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác và phù hợp với mô hình kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn, mô hình kiến trúc chính quyền điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>		
-	Phần mềm tiếp nhận, xử lý số liệu quan trắc tự động môi trường	2019	Hệ thống giúp tiếp nhận, quản lý số liệu quan trắc tự động, liên tục nước, khí thải trên địa bàn tỉnh một cách kịp thời qua đó phục vụ công tác kiểm soát, giám sát môi trường, phát hiện ô nhiễm để cơ quan chuyên môn có biện pháp xử lý, đồng thời truyền tải thông tin dữ liệu về hệ thống tiếp nhận dữ liệu quan trắc Trung ương.		
-	Cơ sở dữ liệu (CSDL) Kho thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường	2012	<p>Hiện nay CSDL kho tài nguyên môi trường đang phục vụ cung cấp cho 02 thủ tục hành chính dịch vụ công mức độ 4 của tỉnh. Cung cấp dữ liệu thụ động khi có yêu cầu khai thác từ các hệ thống khác. Cung cấp trực tuyến ngay sau khi được yêu cầu đảm bảo nhanh chóng chính xác</p>	Mới chỉ sử dụng nội bộ chưa chia sẻ được cho các tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị	
7	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>				
	Phần mềm quản lý tài liệu thư viện (phần mềm Dspace)	2009	Sử dụng phần mềm Dspace đã giúp thư viện có thể tổ chức, lưu trữ nguồn tài nguyên số một cách khoa học, lâu dài; mặt khác tạo lập được một cơ sở dữ liệu tài nguyên số cung cấp cho người dùng công cụ khai thác sử dụng trực tuyến	Phần mềm không hỗ trợ đầy đủ các chức năng theo quy trình hoạt động của thư viện, không cung cấp giao diện tra cứu dành cho bạn đọc. Đối với cơ sở dữ liệu số, hiện tại do thư viện chưa có nguồn bổ sung, thu thập tài liệu số mà chủ yếu là nguồn tự scan nên nguồn tài nguyên số của Thư viện còn khá sơ sài, chưa đầy đủ. Mặt khác, trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin đã xuống cấp nên số lượng tài liệu số thư viện scan và biên mục trên phần mềm chưa được nhiều, chưa đáp ứng được các nhu cầu của người dùng trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay.	Chưa kết nối

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn (Công thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn)	2021	<p>Đáp ứng tốt cho công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn các thủ tục hành chính. Các thông tin, sự kiện, lễ hội, tin tức, điểm du lịch... được thống nhất, giám sát về nội dung trước khi đăng tải.</p> <p>Góp phần quảng bá cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Tài nguyên du lịch được cập nhật liên tục, phong phú</p> <p>Giúp cung cấp cho người dân, khách du lịch các tiện ích và thông tin hữu hiệu về du lịch địa phương</p>		
8	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>				
-	Thuê dịch vụ CNTT phần mềm một cửa, một cửa liên thông và dịch vụ công mức độ cao	2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao chỉ số cải cách hành chính.</li> <li>- Công khai, minh bạch quá trình giải quyết thủ tục hành chính.</li> <li>- Cá nhân/tổ chức dễ dàng tiếp cận với các thông tin liên quan đến thủ tục hành chính, tra cứu thông tin giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.</li> <li>- Cung cấp thêm phương thức nộp hồ sơ, thanh toán phí, lệ phí cho cá nhân/tổ chức lựa chọn thực hiện.</li> <li>- Giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.</li> </ul>	Hệ thống do 02 đơn vị cung cấp dịch vụ nên vấn đề liên thông dữ liệu khó khăn, dữ liệu chưa tập trung tại một nơi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng dịch vụ công quốc gia</li> <li>- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư</li> <li>- Hệ thống Quản lý lý lịch tư pháp của - Bộ Tư pháp</li> <li>- Hệ thống Đăng ký và quản lý hộ tịch - Bộ Tư pháp</li> <li>- Kết nối với các bộ ngành khác qua NDXP để thực hiện đồng bộ, liên thông xử lý hồ sơ như Bộ KHĐT, Bộ Xây dựng</li> </ul>
-	Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (TDOffice)	2017	Tạm dừng thực hiện, hiện nay đã thay thế sử dụng miễn phí bằng phần mềm của tập đoàn VNPT		- Kết nối, liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
-	Thuê dịch vụ wifi công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc phủ sóng Wifi miễn phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phục vụ các nhu cầu tìm kiếm và khai thác thông tin... của du khách, người dân và doanh nghiệp. Góp phần truyền tải những thông tin phục vụ phát triển văn hóa - kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn đến người dân, khách du lịch và doanh nghiệp... Ngoài ra cũng đáp ứng được các nhu cầu quảng bá thông tin, hình ảnh về đất nước con người Bắc Kạn đến du khách trong và ngoài nước, góp phần thực hiện Nghị quyết 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân về việc kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021-2025</li> <li>- Có điều kiện quảng bá hình ảnh với bạn bè trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch cũng như phát triển ứng dụng CNTT trên địa bàn. Người sử dụng được miễn phí truy cập các trang Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, của tỉnh, của các sở, ban ngành và các thông tin trên internet.</li> <li>- Đã xây dựng hệ thống truy nhập Internet không dây WiFi băng rộng trên nền mạng cáp quang với công nghệ tiên tiến để cung cấp wifi miễn phí tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.</li> <li>- Góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh.</li> <li>- Góp phần tạo khả năng sử dụng CNTT cho một bộ phận dân cư tỉnh Bắc Kạn.</li> </ul>		
-	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước để quản lý, thực hiện quy hoạch kỹ thuật hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bắc Kạn	2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Thông tin truyền thông nói chung và quản lý hạ tầng viễn thông thụ động (VTTĐ) nói riêng thông qua việc ứng dụng công nghệ bản đồ số (GIS) và điện thoại di động nhằm đáp ứng các yêu cầu: quản lý, cập nhật, chia sẻ, cung cấp thông tin về Thông tin truyền thông nói chung và hạ tầng VTTĐ nói riêng phục vụ công tác quản lý nhà nước, công tác điều hành của lãnh đạo Sở, công tác nghiệp vụ của các phòng, ban chức năng trực thuộc Sở. Bên cạnh đó, cung cấp môi trường tác nghiệp điện tử giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực Thông tin truyền thông trên địa bàn tỉnh với Sở TT&amp;TT.</li> <li>- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện theo đúng chiến lược của Đảng và Nhà nước trong việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hành chính</li> <li>- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện theo đúng chiến lược của Đảng và Nhà nước trong việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hành chính</li> </ul>		Chưa kết nối

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	2022	Giúp giảm bớt thời gian, chi phí thực hiện các cuộc họp, hội nghị		Chưa kết nối
<b>9</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>				
	Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn	2021	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống phần mềm trực tuyến hỗ trợ tốt cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia đồng bộ với CSDL ngành GD&amp;ĐT.</li> <li>- Hỗ trợ, quản lý quá trình tự đánh giá và công nhận trường chuẩn quốc gia toàn diện, trực tuyến, liên thông các cấp quản lý.</li> <li>- Giúp nhà trường khai thác CSDL tự động từ hệ thống CSDL ngành, quản lý và hỗ trợ thực hiện hoàn thiện các bước tự đánh giá theo đúng quy trình và thông tư của Bộ GD&amp;ĐT, nhà trường kế thừa các báo cáo tự đánh giá của các năm trước và thực hiện cho năm hiện tại nhanh chóng, chính xác, hỗ trợ công tác quản lý kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường.</li> <li>- Cấp quản lý theo dõi, tổng hợp, hỗ trợ nhà trường hoàn thiện tự đánh giá trực tuyến. Thực hiện quy trình đánh giá ngoài toàn diện trên hệ thống phần mềm.</li> <li>- Giúp giảm bớt thời gian, công sức hoàn thiện báo cáo tự đánh giá của nhà trường; cấp quản lý thực hiện đánh giá nhanh và hoàn toàn trực tuyến</li> </ul>		Đã liên kết với CSDL ngành
<b>III</b>	<b>Phần mềm đang sử dụng miễn phí</b>				
<b>1</b>	<b>Báo Bắc Kạn</b>				
-	Phần mềm quản trị báo in, báo điện tử	2022	Phần mềm công tác quản lý báo chí hoạt động năng suất hơn, tối ưu nguồn lực, phù hợp xu thế tòa soạn đa phương tiện	Còn một số lỗi nhỏ trong quá trình sử dụng	Chưa kết nối
<b>2</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>				
	Thuê Hoàn thiện, chuẩn hóa và quản trị hệ thống CSDL ngành giáo dục và đào tạo	2018	Cơ sở dữ liệu chi tiết, đầy đủ, giúp khai thác tốt các thông tin phục vụ công tác quản lý và công tác chuyên môn		Đã liên thông với CSDL toàn ngành, nhưng CSDL toàn ngành chưa hoàn thiện nên một số trường DL chưa đầy đủ
	Hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	2020	Đáp ứng tốt nhu cầu người dân, tiết kiệm nhiều chi phí hồ sơ giấy và chi phí đi lại, dữ liệu được liên thông với CSDL không cần nhập lại, phục vụ tốt công tác tuyển sinh của nhà trường		

STT	Tên phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang triển khai, sử dụng	Thời điểm triển khai, sử dụng	Đánh giá hiệu quả hiện nay	Đánh giá hạn chế của phần mềm (nếu có)	Đã kết nối, liên thông với phần mềm, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của Bộ, ngành và Hệ thống một cửa của tỉnh (ghi cụ thể tên phần mềm, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu)
	Hồ sơ giáo dục điện tử (hồ sơ giáo dục điện tử, giáo án điện tử)	2018	Giúp công tác quản lý được công khai, minh bạch, kịp thời, hỗ trợ tốt công tác kiểm tra, đánh giá, giáo viên không cần in và viết tay các sổ theo truyền thống góp phần giảm được thời gian và chi phí		
	Hệ thống quản lý các kỳ thi.	2017	Hỗ trợ tốt công tác quản lý, việc đăng ký dự thi và tổ chức thi, chấm thi hoàn toàn thực hiện trên hệ thống trực tuyến, giảm thời gian và đảm bảo chính xác, công bằng		
	Thuê dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong nhà trường	2020	Giúp người dân, tiết kiệm nhiều chi phí đi lại để thanh toán các loại phí, dịch vụ với nhà trường, hỗ trợ tốt trong công tác thu, chi, quản lý, đảm bảo minh bạch		
	Thuê hệ thống phần mềm quản lý học tập, thi, kiểm tra, đánh giá trực tuyến (LMS)	2019	Hỗ trợ tốt trong công tác đổi mới phương pháp dạy học, học sinh có thể tự học ở nhà mọi lúc mọi nơi, công tác kiểm tra đánh giá được thực hiện đơn giản, hiện đại, khách quan		
	Hệ thống quản lý thư viện điện tử và quản lý thiết bị	2019	Giúp học sinh, giáo viên dễ dàng thực hiện việc tra cứu cũng như mượn trả tài liệu, hỗ trợ tốt trong công tác điều hành, từng bước thực hiện số hóa tài liệu và chia sẻ tài liệu giữa các trường		
<b>4</b>	<b>Sở Y tế</b>				
	Quản lý trạm y tế	2017	Thực hiện giám định tự động bằng hệ thống phần mềm thay thế cho việc giám định bằng bệnh án giấy tại các Trạm Y tế và cán bộ giám định (giảm số lượng cán bộ, thời gian thực hiện)		Hệ thống giám định bảo hiểm y tế
<b>5</b>	<b>Sở Nội vụ</b>				
	Phần mềm báo cáo thống kê ngành Nội vụ của Bộ Nội vụ ( tại địa chỉ: thongke.moha.gov.vn)	2022	- Thống kê, tổng hợp số liệu ngành Nội vụ, hiện đang nâng cấp do có thay đổi về quy định, về các số liệu thống kê.	Mới chỉ dừng ở mức báo cáo năm, chưa có báo cáo theo tháng, quý	

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí thực hiện			
					2022	2023	2024	2025
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>248.451</b>	<b>14.738</b>	<b>66.864</b>	<b>83.005</b>	<b>83.844</b>
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DÙNG CHUNG</b>			<b>64.347</b>	<b>801</b>	<b>17.968</b>	<b>22.829</b>	<b>22.749</b>
1	Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh	Thuê	Sở Thông tin và Truyền thông	2.238	0	746	746	746
2	Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh	Đầu tư		550		550		
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	Thuê		1.230	801	429		
4	Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh	Đầu tư		6.800		2.720	4.080	
5	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư		7.000		1.000	3.000	3.000
6	Xây dựng Nền tảng bản đồ số (GIS) tỉnh Bắc Kạn	Thuê		6.000			3.000	3.000
7	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Văn phòng UBND tỉnh	10.197		3.679	3.259	3.259
8	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thuê		6.000		2.000	2.000	2.000
9	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn	Thuê		5.800		2.000	1.900	1.900
10	Triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).	Thuê	Sở Thông tin và	7.500	0	2.500	2.500	2.500
11	Triển khai Hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	Thuê		4.920		1.640	1.640	1.640
12	Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh	Thuê		612		204	204	204
13	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh, triển khai trung tâm dự phòng, sao lưu dữ liệu của tỉnh.	Đầu tư		4.000				4.000

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí thực hiện			
					2022	2023	2024	2025
14	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	Thuê	Truyền thông	450		150	150	150
15	Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm			1.050		350	350	350
<b>II</b>	<b>PHỤC VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			<b>150.972</b>	<b>12.649</b>	<b>38.086</b>	<b>48.942</b>	<b>51.295</b>
16	Thuê dịch vụ phần mềm quản lý hồ sơ sức khỏe toàn dân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Y tế	1.000				1.000
17	Triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Thuê		4.000		1.300	1.300	1.400
18	Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	Thuê		1.800		600	600	600
19	Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế các huyện Chợ Đồn, Ba Bể, Chợ Mới	Thuê		6.000			3.000	3.000
20	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế	Đầu tư		2.000		800	600	600
21	Triển khai hệ thống tư vấn khám, chữa bệnh từ xa và kết nối vụn vật trong y tế theo Quyết định số 2628/QĐ-BYT ngày 22/6/2020 của Bộ Y tế về phê duyệt Đề án khám, chữa bệnh từ xa giai đoạn 2020-2025	Thuê		2.000				2.000
22	Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh	Thuê	Sở Giáo dục và Đào tạo	9.600		3.200	3.200	3.200
23	Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn	Thuê		3.042	1.062	990	990	
24	Xây dựng hệ thống quản lý ngân sách cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp 3 cấp tỉnh Bắc Kạn, hạng mục: Xây dựng hệ thống thông tin tiền lương các cơ quan, đơn vị dự toán ngân sách trên địa bàn tỉnh	Đầu tư	Sở Tài chính	4.648	4.648			
25	Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư		4.500		1.800	2.700	
26	Phần mềm xây dựng dự toán, quyết toán ngân sách địa phương	Đầu tư		5.000			2.000	3.000
27	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.000			1.200	1.800
28	Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh	Đầu tư	Sở Giao thông vận tải	2.500		1.000	1.500	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí thực hiện			
					2022	2023	2024	2025
29	Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	40.512		8.351	10.000	22.161
30	Cập nhật dữ liệu, chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân do thay đổi thông tin về giấy chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh	Đầu tư		7.000			3.500	3.500
31	Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI).	Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông	3.461	1.038	2.423		
32	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.	Thuê		1.694	847	847		
33	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Thông tin và truyền thông	Đầu tư		2.000			2.000	
34	Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ	Thuê	Sở Nội vụ	6.000		2.000	2.000	2.000
35	Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư		8.330			6.664	1.666
36	Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	2.376	2.194	182		
37	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1	Đầu tư		7.500		3.000	1.500	3.000
38	Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng	Thuê	Sở Xây dựng	400		400		
39	Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn	Đầu tư	Báo Bắc Kạn	3.200		1.280	920	1.000
40	Xây dựng cơ sở dữ liệu số tại Báo Bắc Kạn	Đầu tư		1.800			900	900
41	Xây dựng Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Ban Dân tộc tỉnh	2.479	1.585	894		
42	Triển khai Thư viện số tại Thư viện tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2.336			1.868	468
43	Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính	Đầu tư	Sở Tư pháp	2.500			2.500	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí thực hiện			
					2022	2023	2024	2025
44	Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường	Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	150		150		
45	Mua máy tính và máy scan cho Bộ phận một cửa cấp xã	Đầu tư	UBND cấp huyện	2.990		2.990		
46	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công thương tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Công thương	3.220	26	3.194		
47	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	3.934	1.249	2.685		
<b>III</b>	<b>PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP</b>			<b>30.784</b>	<b>1.190</b>	<b>10.060</b>	<b>10.484</b>	<b>9.050</b>
48	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch	Đầu tư	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9.600		3.840	3.840	1.920
49	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn”	Thuê		2.856	1.190	952	714	
50	Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Xây dựng	1.198		1.198		
51	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	4.500		1.800	1.000	1.700
52	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số		Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.000		2.000	2.000	2.000
53	Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn		Sở Thông tin và Truyền thông	910		270	320	320
54	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp	Đầu tư		2.500			1.000	1.500
55	Triển khai nền tảng trợ lý ảo phục vụ công chức viên chức	Đầu tư		2.000			1.000	1.000
56	Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong chuyển đổi số		Sở Công Thương	1.000			500	500
57	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại			220			110	110
<b>IV</b>	<b>CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC</b>			<b>2.348</b>	<b>98</b>	<b>750</b>	<b>750</b>	<b>750</b>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Tổng kinh phí giai đoạn 2022-2025	Kinh phí thực hiện			
					2022	2023	2024	2025
58	Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh		Sở Thông tin và Truyền thông	620	20	200	200	200
59	Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146)			1.050	0	350	350	350
60	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn			678	78	200	200	200
V	<b>CÁC NHIỆM VỤ KHÁC TRIỂN KHAI THEO YÊU CẦU CỦA BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG; UBND TỈNH</b>				<b>Đề xuất theo nhiệm vụ phát sinh</b>			

*Đơn vị tính: Triệu đồng***Ghi chú**

Tổng KP năm 2023 đã làm tròn số

Thay thế MCU ảo thuộc dự án Nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã

An toàn thông tin lớp 2 theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ

<b>Ghi chú</b>
An toàn thông tin lớp 3 theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ
Phí duy trì trả từ năm 2025. Do giai đoạn 2020-2024 thanh toán theo nguồn khác.
Phí duy trì thuê

<b>Ghi chú</b>
Theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Chính phủ
Phí thuê dịch vụ hàng năm trong thời gian Sở Nội vụ hoàn thiện phần mềm mới
(Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động)
Dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo
Gồm 13 đề án quy hoạch chung cấp huyện (3 QH) và cấp xã (10 QH), 13 đề án quy hoạch chi tiết. Các đề án này mới phê duyệt năm 2022 chưa được số hóa và cập nhật



**Ghi chú**

Các hoạt động của Ban Chỉ đạo: Họp Ban Chỉ đạo định kỳ 1 lần/quý; kiểm tra hoạt động CDS tại các đơn vị, địa phương; học tập kinh nghiệm CDS tại các tỉnh, thành phố khác

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2023**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2023	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>66.864,4</b>	
<b>A</b>	<b>SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>			<b>64.864</b>	
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DÙNG CHUNG</b>			<b>17.968</b>	
1	Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh	Thuê	Sở Thông tin và Truyền thông	746	Chuyển tiếp
2	Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh	Đầu tư		550	Chuyển tiếp
3	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	Thuê		429	Chuyển tiếp
4	Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh	Đầu tư		2.720	Nhiệm vụ mới. Thay thế MCU ảo thuộc dự án Nâng cấp mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã
5	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư		1.000	Nhiệm vụ mới
6	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	3.679	Chuyển tiếp
7	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thuê		2.000	Nhiệm vụ mới
8	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin: Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn	Thuê		2.000	Nhiệm vụ mới
9	Triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).	Thuê		2.500	Chuyển tiếp
10	Triển khai Hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	Thuê		1.640	Nhiệm vụ mới
11	Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh	Thuê	Sở Thông tin và Truyền thông	204	Chuyển tiếp. (An toàn thông tin lớp 2 theo Chỉ thị 14 ngày 07/6/2019)
12	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	Thuê		150	Chuyển tiếp (An toàn thông tin lớp 3 theo Chỉ thị 14 ngày 07/6/2019)
13	Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm			350	Chuyển tiếp
<b>II</b>	<b>PHỤC VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>			<b>38.086,4</b>	
14	Triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Y tế	1.300	Chuyển tiếp
15	Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	Thuê		600	Nhiệm vụ mới
16	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế	Đầu tư		800	Nhiệm vụ mới
17	Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh	Thuê	Sở Giáo dục và Đào tạo	3.200	Nhiệm vụ mới
18	Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn	Thuê		990	Chuyển tiếp. (Phí duy trì thuê)

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2023	Ghi chú
19	Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Tài chính	1.800	Nhiệm vụ mới
20	Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh	Đầu tư	Sở Giao thông vận tải	1.000	Nhiệm vụ mới
21	Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.351	Nhiệm vụ mới
22	Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI)	Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông	2.423	Chuyển tiếp
23	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.	Thuê	Sở Thông tin và Truyền thông	847	Chuyển tiếp. (Phí thuê dịch vụ hàng năm trong thời gian Sở Nội vụ hoàn thiện phần mềm mới)
24	Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ ( <i>Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; phần mềm đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động</i> )	Thuê	Sở Nội vụ	2.000	Nhiệm vụ mới
25	Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	182	Chuyển tiếp
26	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1	Đầu tư	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.000	Nhiệm vụ mới. (Dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo).
27	Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với công thông tin điện tử của Sở Xây dựng	Thuê	Sở Xây dựng	400	Nhiệm vụ mới. (Gồm 13 đồ án quy hoạch chung cấp huyện (3 QH) và cấp xã (10 QH), 13 đồ án quy hoạch chi tiết. Các đồ án này mới phê duyệt năm 2022 chưa được số hóa và cập nhật)
28	Xây dựng Hệ thống Thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Ban Dân tộc tỉnh	894	Chuyển tiếp
29	Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn	Đầu tư	Báo Bắc Kạn	1.280	Nhiệm vụ mới
30	Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường	Đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường	150	Chuyển tiếp (thường xuyên)
31	Mua máy tính và máy scan cho Bộ phận một cửa cấp xã	Đầu tư	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố	2.990,4	Chuyển tiếp (thường xuyên)
32	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công thương tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Công Thương	3.194	Chuyển tiếp
33	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn.	Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	2.685	Chuyển tiếp
<b>III</b>	<b>PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP</b>			<b>8.060</b>	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2023	Ghi chú
34	Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Xây dựng	1.198	Chuyển tiếp. (Bao gồm thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT quản lý, phân tích dữ liệu giám sát, vệ tinh; đồng bộ CSDL quy hoạch lên công TTĐT và phần mềm một cửa)
35	Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn		Sở Thông tin và Truyền thông	270	Chuyển tiếp
36	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	1.800	Nhiệm vụ mới
37	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn”	Thuê	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	952	Chuyển tiếp. (Công nghệ thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn)
38	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch.	Đầu tư		3.840	Nhiệm vụ mới. (Số hóa các di tích đã được xếp hạng)
<b>IV</b>	<b>NHÓM NHIỆM VỤ VỀ CHUYỂN ĐỔI NHẬN THỨC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC</b>			<b>750</b>	
39	Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh			200	Chuyển tiếp
40	Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146)		Sở Thông tin và Truyền thông	350	Chuyển tiếp
41	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn			200	Chuyển tiếp
<b>V</b>	<b>CÁC NHIỆM VỤ KHÁC TRIỂN KHAI THEO YÊU CẦU CỦA BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG; UBND TỈNH</b>				Đề xuất theo nhiệm vụ phát sinh
<b>B</b>	<b>SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>			<b>2.000</b>	
<b>I</b>	<b>PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ</b>			<b>2.000</b>	
42	Hỗ trợ công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phục vụ chuyển đổi số		Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.000	Chuyển tiếp

**THUYẾT MINH SỰ CẦN THIẾT VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân*

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DÙNG CHUNG</b>	
	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>	
1	Triển khai Hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc phủ sóng Wifi miễn phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn phục vụ các nhu cầu tìm kiếm và khai thác thông tin của du khách, người dân và doanh nghiệp. Góp phần truyền tải những thông tin phục vụ phát triển văn hóa - kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn đến người dân, khách du lịch và doanh nghiệp. Ngoài ra cũng đáp ứng được các nhu cầu quảng bá thông tin, hình ảnh về đất nước con người Bắc Kạn đến du khách trong và ngoài nước, góp phần thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân về việc kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh giai đoạn 2021-2025. Quảng bá hình ảnh với bạn bè trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển dịch vụ du lịch cũng như phát triển ứng dụng CNTT trên địa bàn. Người sử dụng được miễn phí truy cập các trang Công thông tin điện tử của Chính phủ, của tỉnh, của các sở, ban ngành và các thông tin trên internet</li> <li>- Tháng 3 năm 2023 kết thúc dự án thuê hệ thống wifi công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2018-2023 theo Hợp đồng số 23/HĐTDV - STTTT &amp;VTBKN ngày 22/12/2017 giữa Sở Thông tin và Truyền thông và Viettel Bắc Kạn về việc thuê dịch vụ Wifi công cộng</li> <li>- Qua đánh giá, rà soát thực tế giai đoạn 2021-2025 có 15 xã nông thôn mới nâng cao cần thực hiện tiêu chí số 8 Thông tin và Truyền thông Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, trong đó có tiêu chí 8.5 có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng)</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc thuê dịch vụ Wifi cung cấp miễn phí tại các khu công cộng, các khu vui chơi giải trí, khu vực du lịch, khu di tích và khu vực hành chính công, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các huyện, thành phố, khu UBND các xã, phường, thị trấn đạt xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh và giao cơ quan chủ trì thuê dịch vụ; hạng mục thuê dịch vụ; quy mô, phạm vi, khung thời gian thuê dịch vụ và các mốc thời gian chính thực hiện; địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ cụ thể như sau:</li> <li>- Thông qua việc sử dụng wifi miễn phí để tạo ra kênh quảng cáo hữu hiệu, hiện chưa phát huy được hiệu quả</li> <li>- Ứng dụng hệ thống quản lý tập trung thông qua dịch vụ wifi miễn phí để thu thập thông tin người dùng tạo ra cơ sở dữ liệu lớn (Bigdata) tăng khả năng xã hội hóa khi triển khai trong giai đoạn tiếp theo</li> </ul>
2	Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạng diện rộng Wan của tỉnh là hệ thống mạng kết nối các hệ thống mạng nội bộ Lan của các đơn vị, địa phương trong tỉnh với nhau, giúp cho việc quản lý và chia sẻ dữ liệu, tài nguyên mạng được dễ dàng</li> <li>- Hạ tầng CNTT của tỉnh được triển khai theo hướng vừa phân tán theo ngành, vừa đồng bộ, tập trung trong tỉnh. Các hệ thống đang dần được cải thiện nhằm đảm bảo việc liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu</li> <li>- Hiện tại tỉnh đã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng đến các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh. Tuy nhiên, hầu hết hệ thống mạng Lan của các đơn vị đã triển khai từ lâu, chưa đảm bảo yêu cầu hiện nay, do đó, tỉnh chưa hình thành mạng diện rộng WAN một cách đồng bộ</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của tỉnh trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cho hạ tầng số của tỉnh</li> <li>- Triển khai theo quy định của Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0</li> <li>- Trên cơ sở hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp 2 của các nhà mạng viễn thông để thực hiện thuê dịch vụ xây dựng hệ thống mạng WAN của tỉnh. Hệ thống mạng diện rộng bảo đảm yêu cầu về an toàn, bảo mật phục vụ triển khai các hệ thống thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã</li> </ul>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
		<p>- Hiệu quả: Phục vụ phát triển, hoàn thiện hạ tầng số của tỉnh, Là đầu mối duy nhất kết nối đồng bộ, quản lý tập trung tất cả Hệ thống mạng nội bộ LAN của các đơn vị, địa phương thành Hệ thống mạng diện rộng WAN của tỉnh để kết nối liên thông trao đổi, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị</p> <p>- Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số</p> <p>Quy mô:</p> <p>- Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng tốc độ 2Mbps phục vụ kết nối mạng diện rộng (WAN) gồm 27 Sở, ngành; 8 huyện, thành phố và 108 xã, phường, thị trấn</p>
3	Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh	<p>+ Hiện trạng và sự cần thiết:</p> <p>- Năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã với quy mô đầu tư. Gồm 02 hợp phần như sau: Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống điều khiển hội nghị truyền hình trực tuyến trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud), đảm bảo kết nối được 118 điểm cầu (gồm: 108 điểm xã, phường, thị trấn, 01 điểm Sở Thông tin và Truyền thông, 01 điểm UBND tỉnh và 08 điểm UBND các huyện, thành phố).</p> <p>- Đề đảm bảo kết nối đồng bộ với Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh tới 118 điểm (01 điểm UBND tỉnh, 01 điểm Sở Thông tin và Truyền thông, 08 điểm UBND huyện, 108 điểm xã/phường/thị trấn).</p> <p>- Nhằm hoàn thiện đảm bảo hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Bắc Kạn hoạt động ổn định, chất lượng tốt và để đáp ứng phục vụ các cuộc họp trực tuyến của tỉnh, đảm bảo chất lượng đường truyền, hình ảnh của Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Bắc Kạn trên địa bàn toàn tỉnh. Vậy việc mua sắm bộ thiết bị hội nghị truyền hình tại điểm cầu hội trường tỉnh là cần thiết</p>
4	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	<p>+ Hiện trạng: Năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã với quy mô đầu tư. Trong đó, Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống điều khiển hội nghị truyền hình trực tuyến trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud), đảm bảo kết nối được 118 điểm cầu (gồm: 108 điểm xã, phường, thị trấn, 01 điểm Sở Thông tin và Truyền thông, 01 điểm UBND tỉnh và 08 điểm UBND các huyện, thành phố)</p> <p>'+ Sự cần thiết: Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020 định hướng đến 2025. Việc duy trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã sẽ góp phần nâng cao khả năng tác nghiệp, điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường mạng, giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước, phục vụ đắc lực công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, từng bước xây dựng chính quyền điện tử và nền hành chính hiện đại. Trong bối cảnh đất nước như hiện nay, hệ thống truyền hình trực tuyến là giải pháp đột phá để đảm bảo thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ</p> <p>Nhiệm vụ này và nhiệm vụ "Đầu tư hệ thống MCU vật lý điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp mở rộng hệ thống HNTHTT đang sử dụng hiện nay đến cấp xã" có cùng mục tiêu, tuy nhiên trong thời gian chưa thực hiện hoàn thành việc đầu tư mới hệ thống MCU vẫn phải duy trì việc thuê dịch vụ để đảm bảo đáp ứng nhu cầu họp trực tuyến khi phát sinh. Qua xem xét, so sánh với số lượng cuộc họp trực tuyến phát sinh trong năm 2022, việc thuê dịch vụ theo hợp đồng ký kết với Viettel sẽ tiết kiệm cho ngân sách địa phương hơn (theo hợp đồng ký kết số tiền thuê 1 năm là 801 triệu đồng do đó số tiền thuê 6 tháng là 400 triệu đồng không giới hạn số lượng cuộc họp, trong khi nếu chi trả tiền theo từng phiên họp phát sinh, tính theo số lượng cuộc họp trực tuyến phát sinh năm 2022 thì số tiền ngân sách dự kiến phải bố trí lần lượt là: 6 tháng đầu năm 1.392 triệu đồng; 6 tháng cuối năm 1.740 triệu đồng). Từ lý do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bố trí kinh phí thực hiện thuê dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2023, sau khi hoàn thành đầu tư mới hệ thống MCU sẽ kết thúc hợp đồng nhiệm vụ này</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
5	Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh	<p>+ Hiện trạng và sự cần thiết:</p> <p>- Năm 2021, Sở Thông tin và Truyền thông được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã với quy mô đầu tư. Gồm 02 hợp phần như sau:</p> <p>- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống điều khiển hội nghị truyền hình trực tuyến trên nền tảng điện toán đám mây (Cloud), đảm bảo kết nối được 118 điểm cầu (gồm: 108 điểm xã, phường, thị trấn, 01 điểm Sở Thông tin và Truyền thông, 01 điểm UBND tỉnh và 08 điểm UBND các huyện, thành phố). Sở thông tin và Truyền thông đang ký hợp đồng với Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel với số kinh phí thực hiện dự án hơn 2.404.368.000 VNĐ trong thời gian 36 tháng (từ tháng 01/2022 đến hết tháng 12/2024).</p> <p>- Đầu tư mua mới 101 thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình trực tuyến tại 100 xã, thị trấn trực thuộc và 01 điểm cầu tại Sở Thông tin truyền thông tỉnh Bắc Kạn. Ngày 31/12/2021, Sở Thông tin và Truyền thông đã hoàn thành việc bàn giao thiết bị cho các đơn vị đưa vào sử dụng.</p> <p>Hiện nay việc sử dụng MCUcloud (ảo hóa) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được điều khiển từ xa (tại Trung tâm công nghệ cao Hòa Lạc của Tập đoàn Viettel), để kết nối phục vụ các hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã, cơ bản các cuộc họp diễn ra đảm bảo chất lượng, an toàn. Tuy nhiên, việc sử dụng MCU ảo còn một số hạn chế trong quá trình sử dụng như: Hiện nay, MCU đang đặt tại Trung tâm công nghệ cao Hòa Lạc của Tập đoàn Viettel, nếu có phát sinh sự cố nhân sự vận hành tại tỉnh phải thông qua trung gian để xử lý dẫn đến việc khắc phục chưa kịp thời, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc họp, việc sử dụng MCU chung cho rất nhiều đơn vị, nhiều tỉnh trong toàn quốc, do đó về sự bảo mật, sự an toàn chưa đáp ứng yêu cầu.</p> <p>Bên cạnh đó, trong quá trình vận hành và khai thác việc kết nối hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được vận hành trên đường truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh đến cấp xã có phát sinh đường truyền trung kế Offcewan (băng thông 1Gbps) từ thiết bị NCS5501 của Cục Bưu điện Trung ương về tới thiết bị điều khiển hội nghị truyền hình của Viettel với tổng chi phí là 70 triệu đồng/tháng.</p> <p>Như vậy, ngoài kinh phí đã thuê MCU ảo, tương đương khoảng 1,6 tỷ trong thời gian 24 tháng còn lại (tính từ 01/2023 đến hết năm 2024). Tổng chi phí dự kiến sử dụng trong 24 tháng là hơn 4,0 tỷ đồng (chi phí trên chưa bao gồm chi phí vận hành, do Viettel Bắc Kạn đang hỗ trợ vận hành miễn phí). Tuy nhiên, thiết bị hệ thống điều khiển MCU ảo vẫn là của nhà cung cấp.</p> <p>Đối với việc đầu tư thiết bị hệ thống điều khiển MCU vật lý, thiết bị sẽ thuộc sở hữu của tỉnh, thời gian dự kiến sử dụng lên tới 10 năm đồng thời vẫn có thể tận dụng thiết bị 01 MCU Radvision đời cũ 24 cổng SD đầu tư từ 2009 đến nay vẫn hoạt động được, có thể sử dụng làm MCU backup.</p>
6	Mua máy tính và máy scan cho Bộ phận một cửa cấp xã	<p>Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ của cơ quan nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cải cách hành chính, góp phần tăng tỷ lệ phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thay đổi cách thức quản trị hành chính từ truyền thống sang hiện đại, góp phần hình thành chính quyền số, công dân số thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số. Mặt khác, hiện nay cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã cũ, cấu hình thấp không đảm bảo việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến; một số địa phương không có máy tính riêng để phục vụ người dân nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến. Do đó, việc bố trí trang thiết bị để thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh là cần thiết.</p>
	<b>Nền tảng, phần mềm</b>	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
7	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dữ liệu hiện có của tỉnh là các dữ liệu chuyên ngành, còn rải rác ở các ngành, rời rạc, chưa được tích hợp, quản lý thống nhất để hỗ trợ việc ra quyết định (quyết định dựa trên dữ liệu): Dữ liệu đất đai chỉ phục vụ quản lý thông tin trong lĩnh vực đất đai; dữ liệu Môi trường được thu thập thủ công và chỉ phục vụ quản lý lĩnh vực môi trường; dữ liệu tài liệu số hoá được lưu trữ trong kho dữ liệu số hoá; dữ liệu về Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của tỉnh đang chỉ phục vụ việc thống kê, quản lý dữ liệu ngành</li> <li>- Dữ liệu các ngành hiện có cũng chưa đầy đủ, có thiếu sót, có sự sai lệch, thiếu tính chuẩn xác; các hệ thống dữ liệu không kết nối với nhau, chưa có tính đối soát để kiểm chứng dữ liệu, còn hiện tượng không trùng khớp dữ liệu</li> <li>- Tỉnh chưa có Kho</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Kho dữ liệu với trung tâm là Nền tảng Kho dữ liệu dùng chung của cả tỉnh có khả năng xử lý đa dạng các loại dữ liệu, hợp nhất dữ liệu từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (dữ liệu của các cơ quan, đơn vị), làm sạch, sàng lọc, chuẩn hóa phục vụ khai thác, phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, sử dụng dữ liệu để tạo ra giá trị mới, phát triển các sản phẩm/dịch vụ mới</li> <li>- Cung cấp dữ liệu mở của tỉnh cho người dân và doanh nghiệp qua Cổng dữ liệu mở của tỉnh</li> <li>- Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số</li> <li>- Chấm điểm xếp hạng tiêu chí 6.2 về hoạt động Chính quyền số trong Bộ chỉ số DTI</li> <li>- Kho dữ liệu có 3 chức năng chính: (1) Chia sẻ dữ liệu, dùng chung cho các ứng dụng của các cơ quan nhà nước; (2) Cung cấp dữ liệu cho Cổng dữ liệu mở của tỉnh (dữ liệu mở) để công khai thông tin, chia sẻ dữ liệu cho người dân, cho doanh nghiệp hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo; (3) Cung cấp dữ liệu để phân tích, xử lý, khai phá và hỗ trợ ra quyết định</li> </ul>
8	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, Hệ thống thông tin báo cáo và Hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến người dân tỉnh Bắc Kạn	<p>Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm IOC là bước đi quan trọng của quá trình chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh tại Bắc Kạn, trong đó, các giải pháp công nghệ kết hợp nhịp nhàng với các sáng kiến về mô hình quản trị vận hành đô thị và sự tham gia tích cực của người dân, doanh nghiệp nhằm đáp ứng các mục tiêu: Phục vụ người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả công tác của đội ngũ CBCCVC; tạo môi trường làm việc hiện đại; tối ưu hoạt động điều hành của chính quyền... Trung tâm IOC đi vào hoạt động góp phần tạo bước đột phá trong lộ trình chuyển đổi số tại tỉnh Bắc Kạn</li> <li>- Công văn số 213/THH-CPĐT ngày 03/3/2021 của Cục Tin học hoá - Bộ TTTT về việc hướng dẫn mô hình tổng thể, yêu cầu chức năng, tính năng của Trung tâm giám sát, điều hành thông minh cấp tỉnh, cấp bộ</li> </ul> <p>Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định “Các cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo để thực hiện báo cáo điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm về thời gian, chi phí cho các đối tượng thực hiện báo cáo”.</li> <li>- Bộ tiêu chí chấm điểm CCHC của Bộ Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022: “Tiêu chí 7.2.3. Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh”</li> <li>- Văn bản số 8879/VPCP-KSTT ngày 24/10/2020 về đẩy mạnh triển khai Nghị định số 09/2020/NĐ-CP và Thông tư số 01/2020/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ</li> </ul>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
		<p>Ứng dụng phản ánh, kiến nghị của công dân (Smart BacKan):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản số 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trong đó quy định các tính năng của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh bao gồm kênh giao tiếp cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tương tác trong quá trình thực hiện TTHC gồm ứng dụng di động (Mobile App)</li> <li>- Xuất phát nhu cầu thực tế là phải có giải pháp thông minh để cải thiện vấn đề quản lý, điều hành đô thị và tương tác trực tuyến giữa người dân và các cấp chính quyền. Có sự liên thông kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các cấp, liên thông từ cấp xã đến cấp tỉnh. Các phản ánh/sự việc được tiếp nhận tức thời, có thông tin hình ảnh, video, vị trí phản ánh/sự việc, điều phối chính xác cho cơ quan có trách nhiệm xử lý.</li> </ul>
	<b>An toàn thông tin</b>	
9	Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh hàng năm	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác đảm bảo ATTT chưa được chú trọng đúng mức: Nhận thức về đảm bảo ATTT mạng của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức chưa đầy đủ, còn chủ quan, thiếu kỹ năng và kiến thức trong việc bảo đảm ATTT trên mạng. Tỉnh chưa triển khai diện rộng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC), do đó chưa chủ động trong việc theo dõi, phòng ngừa, phát hiện các nguy cơ mất ATTT</li> <li>- Tỉnh chưa có nhiều nhân lực được đào tạo chuyên sâu về ATTT mạng, do đó, công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về ATTT còn hạn chế nhất định</li> <li>- Việc xây dựng phương án ứng cứu sự cố theo Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/03/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên</li> <li>- Nhận thức về tầm quan trọng của bảo vệ thông tin cá nhân, ATTT mạng của người dân còn hạn chế. Do đó, tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến các vấn đề về an toàn thông tin cá nhân</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng cường về năng lực tổ chức ứng phó, đồng thời đảm bảo việc phát hiện sớm các nguy cơ và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin quan trọng dùng chung của tỉnh và của cơ quan, đơn vị</li> <li>- Cập nhật tình hình, các nguy cơ mất an toàn thông tin mạng; nắm được kỹ thuật tấn công của tin tặc, cách thức phát hiện, ngăn chặn và bảo vệ hệ thống; biết cách sử dụng công cụ để theo dõi, phát hiện, phân tích mã độc, các giao thức mạng, nắm được quy trình ứng cứu, ứng phó sự cố, thực hành diễn tập an toàn thông tin mạng</li> <li>- Diễn tập tấn công, phòng chống tấn công thực chiến với các nội dung, tình huống diễn tập giả định, mô phỏng quá trình phát hiện, phân tích, xử lý sự cố hệ thống bị tấn công nhằm chiếm đoạt tài sản và dữ liệu của các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cho Đội ứng cứu sự cố mạng máy tính của tỉnh</li> </ul>
10	Triển khai trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ duy trì hoạt động ổn định, an toàn an ninh thông tin của các hệ thống thông tin thuộc Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã từng bước tham mưu, đề xuất việc đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ đánh giá, giám sát an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu và bước đầu phát huy được hiệu quả, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh nói chung và cho Trung tâm tích hợp dữ liệu nói riêng.</li> <li>- Công tác đảm bảo ATTT chưa được chú trọng đúng mức: Nhận thức về đảm bảo ATTT mạng của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức chưa đầy đủ, còn chủ quan, thiếu kỹ năng và kiến thức trong việc bảo đảm ATTT trên mạng.</li> <li>- Tỉnh chưa triển khai diện rộng Trung tâm giám sát an toàn, an ninh thông tin (SOC), do đó chưa chủ động được trong việc theo dõi, phòng ngừa, phát hiện các nguy cơ mất ATTT.</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số.</li> <li>- Xây dựng hệ thống thiết bị, giải pháp kỹ thuật công nghệ hiện đại để thực hiện giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng của tỉnh; kết nối, chia sẻ thông tin với trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.</li> <li>- Đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu cho các hệ thống thông tin dùng chung, các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh</li> </ul>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
		<p>tỉnh tại các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương và Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo công tác quản lý tập trung, phát hiện, khoanh vùng, giám sát, xử lý các sự cố và tình hình lây nhiễm mã độc của các thiết bị máy trạm, máy chủ trong các cơ quan nhà nước.</li> <li>- Giám sát ATTT mạng 24/7 cho các hệ thống thông tin thuộc Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.</li> <li>- Phòng chống mã độc tập trung cho các máy trạm tại các Sở, ban, ngành cấp tỉnh.</li> </ul>
11	Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh	<p>+ Hiện trạng: Việc đánh giá, giám sát an toàn thông tin Website của tỉnh chưa được tiến hành thường xuyên theo định kỳ; các lỗ hổng của Website, lỗ hổng liên quan đến hệ điều hành, dịch vụ Web Server có thể làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của Website và mất an toàn thông tin nếu không được giám sát phát hiện và ngăn chặn</p> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số.</li> <li>- Đánh giá, giám sát an toàn thông tin Website của tỉnh (Giám sát ATTT theo quy định các website: Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn; Cổng thông tin HĐND tỉnh; website cải cách HCNN tỉnh Bắc Kạn)</li> <li>- Đảm bảo an toàn thông tin Website tỉnh.</li> <li>- Phát hiện các thông tin liên quan tới máy chủ Web, hệ điều hành máy chủ, phiên bản phần mềm</li> <li>- Rà quét thông tin cấu trúc website, dựng thông tin cây thư mục cho các tài nguyên thu thập được; Rà quét các lỗ hổng nguy hiểm nhất của Website; Rà quét các lỗ hổng liên quan đến hệ điều hành, dịch vụ Web Server; Báo cáo kết quả đánh giá, giám sát theo định kỳ (tuần, tháng quý, năm) hoặc đột xuất</li> </ul>
12	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác đảm bảo ATTT chưa được chú trọng đúng mức: Nhận thức về đảm bảo ATTT mạng của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức chưa đầy đủ, còn chủ quan, thiếu kỹ năng và kiến thức trong việc bảo đảm ATTT trên mạng</li> <li>- Tỉnh chưa triển khai diện rộng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng (SOC), do đó chưa chủ động trong việc theo dõi, phòng ngừa, phát hiện các nguy cơ mất ATTT</li> <li>- Tỉnh chưa có nhiều nhân lực được đào tạo chuyên sâu về ATTT mạng, do đó, công tác tham mưu, triển khai các nhiệm vụ về ATTT còn hạn chế nhất định</li> <li>- Trong tiến trình thực hiện chuyển đổi số hiện nay, hệ thống dữ liệu, thông tin trên môi trường mạng có thể coi như những “tế bào” của toàn bộ máy vận hành trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Chính vì vậy, vấn đề đảm bảo an toàn, an ninh thông tin sẽ là một trong những yếu tố quyết định thành công cho hành trình chuyển đổi số của tỉnh. Trên thực tế có nhiều nguy cơ mất an toàn thông tin như: Lộ lọt thông tin cá nhân, giấy tờ tùy thân trên Internet; thư điện tử giả mạo, file đính kèm hay liên kết ẩn chứa mã độc, tội phạm công nghệ cao, tấn công mạng. Vì vậy, việc Chuyển đổi số sẽ không thể thành công nếu không triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin phù hợp</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin mạng cần triển khai như Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin của cơ quan, tổ chức</li> <li>- Kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn thông tin (ATTT), kịp thời phát hiện các lỗ hổng, điểm yếu về ATTT một số hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh. Đảm bảo việc thực hiện kiểm tra đánh giá ATTT “Lớp 3” thuộc mô hình đảm bảo ATTT 4 lớp theo hướng dẫn của Cục ATTT, Bộ TTTT và kiểm tra, đánh giá ATTT theo Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ</li> <li>- Đánh giá phát hiện mã độc, lỗ hổng, điểm yếu, thử nghiệm xâm nhập hệ thống</li> <li>- Nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin là nhiệm vụ thực hiện thường xuyên, hàng năm</li> </ul>
II	PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ	



STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
15	Xây dựng Hệ thống Thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.	<p>Hiện tại tỉnh Bắc Kạn chưa có ứng dụng nào dùng để thống kê các thông tin, dữ liệu công tác dân tộc. Các dữ liệu về dân tộc chủ yếu là báo cáo dưới dạng bảng excel, word, ..., dữ liệu chưa đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và chưa kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cấp. Vì vậy chưa đáp ứng được các yêu cầu chia sẻ, cung cấp, khai thác thông tin của các đơn vị, tổ chức, cá nhân cũng như nhu cầu tìm hiểu thông tin của người dân. Việc xây dựng "Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc" là cần thiết, giúp hình thành lên nguồn cơ sở dữ liệu điện tử về lĩnh vực dân tộc, giúp khắc phục những khó khăn, hạn chế nêu trên.</p>
16	Xây dựng và triển khai hệ thống Quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn.	<p>* Hạn chế, khó khăn: Việc quản lý cơ sở dữ liệu về công tác giáo dục nghề nghiệp tại tỉnh Bắc Kạn vẫn đang được thực hiện thủ công. Việc quản lý, triển khai các chính sách về giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn; việc tiếp cận thông tin về công tác đào tạo, các chính sách đào tạo nghề của doanh nghiệp, người dân còn hạn chế. Công tác cập nhật dữ liệu, báo cáo phân tích số liệu phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch, chương trình giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nhằm cung ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao góp phần phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, mất thời gian và chi phí.</p> <p>* Sự cần thiết đầu tư: - Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được xây dựng hoàn thành là giải pháp, công cụ quản lý chặt chẽ cũng như phục vụ tốt nhu cầu khai thác thông tin của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân; Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề phục vụ cho công tác hoạch định, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... - Phần mềm cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho trực tích hợp LGSP tỉnh và trực tích hợp LGSP Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Xây dựng Cổng thông tin điện tử giáo dục nghề nghiệp phục vụ cho các đối tượng là học sinh, sinh viên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đăng ký tuyển sinh trực tuyến, tra cứu các thông tin liên quan đến hoạt động tuyển sinh, chương trình đào tạo, kết quả trúng tuyển.</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
17	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1	<p>* Hạn chế, khó khăn: Hiện nay, việc quản lý cơ sở dữ liệu ngành Lao động -Thương binh và Xã hội các cấp tại địa phương vẫn chưa có sự trợ giúp của các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin, quản lý việc triển khai các chính sách hỗ trợ. Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, lao động việc làm chỉ được quản lý thủ công bằng các file word, excel. Việc triển khai các chính sách an sinh xã hội còn gặp nhiều khó khăn; dữ liệu không được quản lý tập trung dễ xảy ra sai sót và trục lợi chính sách, công tác cập nhật dữ liệu, báo cáo phân tích số liệu phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch, hoạch định chính sách phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn, mất thời gian và chi phí</p> <p>* Sự cần thiết đầu tư: '- Việc xây dựng CSDL chung ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1 (dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo) nhằm lưu trữ, khai thác thông tin, chia sẻ thông tin đồng bộ, thống nhất bằng công nghệ số để phục vụ công tác quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Hệ thống cơ sở dữ liệu được xây dựng hoàn thành là giải pháp, công cụ quản lý chặt chẽ cũng như phục vụ tốt nhu cầu khai thác thông tin của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân - Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Lao động-Thương binh và Xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện các chính sách của nhà nước công bằng, minh bạch; cung cấp thông tin, dữ liệu của ngành phục vụ cho công tác hoạch định, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên cơ sở công nghệ hiện đại bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc lưu trữ, bảo quản, khai thác thông tin lâu dài và hiệu quả</p>
18	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn.	<p>- Trong những năm qua, hệ thống hạ tầng về khoa học và công nghệ đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên nguồn thông tin khoa học và công nghệ còn hạn chế, phân tán, khó khăn trong việc tra cứu dữ liệu về hoạt động khoa học và công nghệ; sự liên kết giữa các tổ chức thông tin khoa học và công nghệ trong mạng lưới còn lỏng lẻo; Hạ tầng thông tin về khoa học và công nghệ chưa đáp ứng được một số quy định mới về chức năng, tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Việc xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ đã được quy định tại các Văn bản: Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28/6/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; Thông tư số 05/2021/TT-BKHHCN ngày 17/6/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định yêu cầu kỹ thuật đối với dữ liệu thông tin đầu vào của cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.</p> <p>- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khoa học công nghệ tỉnh Bắc Kạn giúp các ngành, địa phương có đầy đủ thông tin về KHCN để xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh; làm cơ sở cho các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách quản lý và điều hành được đồng bộ, thống nhất.</p> <p>- Việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu KH&amp;CN sẽ góp phần tăng chỉ số xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh và của ngành trong thời gian tới.</p> <p>- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn góp phần thực hiện cuộc cách mạng 4.0 và xây dựng cơ sở dữ liệu ngành khoa học và công nghệ trong “Quy hoạch tỉnh Bắc Kạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” nhằm tích hợp và tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ, phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành Khoa học và Công nghệ (truy cập, khai thác, sử dụng dữ liệu).</p> <p>- Từ thực tiễn và các quy định nêu trên, việc tiến hành Xây dựng "hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh" là cần thiết, nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đưa khoa học và công nghệ của tỉnh từng bước phát triển bền vững.</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
19	Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với công bố thông tin điện tử của Sở Xây dựng	<p>- Năm 2020: Sở Xây dựng đã triển khai công bố thông tin quy hoạch xây dựng và đã được phê duyệt tại Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 24/8/2020. Hiện nay phần mềm và CSDL quy hoạch trước năm 2019 đã được GIS hóa chuyên về kho dữ liệu dùng chung của tỉnh tại Trung tâm tích hợp dữ liệu (Trung tâm CNTT-TT). Để đảm bảo cung cấp dữ liệu dùng chung về quy hoạch xây dựng tỉnh đầy đủ và kịp thời, cần cập nhật và GIS hóa các đồ án Quy hoạch trên toàn tỉnh đã được phê duyệt.</p>
20	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế	<p>- Trên địa bàn tỉnh hiện nay thông tin sức khỏe cá nhân chưa được dữ liệu hóa một cách tập trung, mà phân tán tại nhiều nền tảng cả điện tử lẫn lưu trữ truyền thống như: hệ thống quản lý thông tin ở các bệnh viện, Trạm Y tế; hệ thống hồ sơ sức khỏe toàn dân, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng quản lý bệnh truyền nhiễm, đơn thuốc điện tử, các thiết bị y tế tại nhà... Do đó dẫn đến quá tải vì thủ tục giấy tờ, tốn thời gian cho việc tìm kiếm thông tin, báo cáo không sát thực tế và không có số liệu chính xác để hoạch định các chính sách về y tế</p> <p>- Mặt khác, theo Quyết định số 2955/QĐ-BYT ngày 28/10/2022 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số y tế thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 có phân cấp cho các địa phương trong việc tổ chức, triển khai và quản lý dữ liệu y tế.</p> <p>- Việc xây dựng Kho dữ liệu về Y tế để quản lý tập trung để quản lý thống nhất về: Cơ sở dữ liệu về khám chữa bệnh, Cơ sở dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử và các dữ liệu khác để hình thành nên kho dữ liệu tổng thể của ngành Y tế. Trong đó, ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu y tế; ứng dụng các công nghệ để phân tích số liệu về hoạt động y tế; kịp thời, dự báo chính xác về diễn biến tình trạng sức khỏe, bệnh tật và dịch bệnh trong cộng đồng, từ đó có các chính sách quản lý y tế phù hợp. Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số, Xã hội số; quản lý hiệu quả dữ liệu khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân.</p>
21	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch.	<p>Để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2026/QĐ-TTg ngày 02/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình số hoá Di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 12/8/2021 của Tỉnh uỷ về phát triển du lịch tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 từ đó xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hoá (số hóa các di tích đã được xếp hạng).</p> <p>'Bắc Kạn là tỉnh có nhiều di tích, với các di tích được phân bố nhiều nơi trên địa bàn, nhiều di tích cách biệt với khu dân cư, đường đi lại khó khăn, khó tiếp cận trực tiếp, khó khăn trong công tác truyền thông và bắt nhịp với du lịch thông minh. Nhằm phát huy những giá trị các di tích, việc ứng dụng công nghệ vào việc bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, gắn với phát triển du lịch hiện nay chính là điều kiện thuận lợi để kết nối các thể hệ trong việc bảo tồn, lưu giữ di tích của cha ông gắn với phát triển kinh tế từ du lịch và giáo dục truyền thống, số hoá di tích</p> <p>Việc xây dựng dữ liệu phục vụ phát triển du lịch số hoá di tích đã được xếp hạng phục vụ công tác lưu trữ, quản lý, nghiên cứu, bảo tồn, khai thác, quảng bá di sản văn hoá tỉnh Bắc Kạn góp phần thúc đẩy phát triển du lịch bền vững là cần thiết</p>
III	<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐẦU TƯ; NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH; CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
22	Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn	<p>- Thực hiện Quyết định 1004/QĐ-BXD ngày 31/7/2020 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành xây dựng giai đoạn 2020-2025, định hướng 2030, theo đó các tỉnh, các địa phương được giao chủ trì thực hiện xây dựng CSDL số các nhóm ngành ưu tiên gồm: Thông tin quy hoạch xây dựng (GIS), thông tin công trình BIM, Đô thị thông minh, doanh nghiệp số vvv... trong việc xây dựng, tổ chức quản lý và triển khai dữ liệu số ngành xây dựng tại các địa phương</p> <p>Trong thời gian qua công tác lập, thẩm định, quản lý, giám sát quy hoạch, cấp phép xây dựng thực hiện hoàn toàn thủ công, mất nhiều thời gian và công sức, tiền của của nhà nước; Các dự án về đầu tư xây dựng phục vụ giao thông, giáo dục, y tế, hạ tầng kỹ thuật không có dữ liệu quy hoạch số để triển khai số hóa, thời gian tra cứu thông tin về quy hoạch của các nhà đầu tư, nhân dân, mất nhiều thời gian, không chính xác. Các đồ án quy hoạch quản lý thủ công gây ra hỗn loạn về giá thị trường bất động sản, không minh bạch</p> <p>Việc xây dựng và đồng bộ hệ thống công bố, cung cấp thông tin quy hoạch nhằm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ở cả 3 cấp; phục vụ cải cách hành chính toàn trình các lĩnh vực quy hoạch, cấp phép xây dựng và tạo điều kiện đồng bộ với phần mềm một cửa điện tử của tỉnh; trang TTĐT của tỉnh, của Sở Xây dựng; tăng tỷ lệ TTHC sử dụng hồ sơ điện tử thay cho hồ sơ giấy phục vụ TTHC toàn trình đạt trên 85% tổng số TTHC của Sở. Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính đạt 30% ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Cung cấp thông tin thời gian thực (realtime) phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số, Xã hội số; quản lý hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh của người dân, doanh nghiệp góp phần xây dựng chính quyền số thông minh</p>
23	Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<p>- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số.</p> <p>- Thực hiện Công văn số 294/BTTTT-QLDN ngày 28/01/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số, phát triển kinh tế số</p> <p>- Áp dụng Bộ Chỉ số chuyển đổi số doanh nghiệp để đánh giá rộng rãi các doanh nghiệp trên toàn tỉnh nhằm mục tiêu kép: Giúp từng doanh nghiệp xác định được mình đang ở giai đoạn nào trong quá trình chuyển đổi số để có lộ trình, kế hoạch, giải pháp chuyển đổi số phù hợp, giúp doanh nghiệp phát triển nhanh hơn, mạnh hơn; vừa tạo được bức tranh tổng thể về chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp số trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn phục vụ công tác quản lý và chiến lược phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
		<p>- Hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị chức năng đưa ra các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, địa phương, đồng thời có thêm công cụ đánh giá hiệu quả quá trình triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên phạm vi toàn tỉnh</p> <p>- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo những chuyển biến tích cực cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; xác định, phân công rõ nhiệm vụ cho từng cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện</p>
24	Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	<p>- Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chưa có dữ liệu tập trung về thông tin nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá ở tất cả các công đoạn từ thông tin về nguồn nguyên liệu, sản xuất, chế biến, vận chuyển và phân phối ra thị trường, do đó dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, theo dõi, nhận diện thông tin về nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá.</p> <p>- Mặt khác, việc xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm thực hiện, triển khai có hiệu quả theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh: Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 4320/VPCP-KGVX ngày 12/7/2022 về việc thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tại Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Việc Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để phục vụ người tiêu dùng và người sản xuất (người dân, tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp...) cập nhật, tra cứu nguồn gốc, xuất xứ, thông tin về các sản phẩm, hàng hóa. Trên cơ sở đó sẽ đánh giá được quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm đảm bảo công khai, minh bạch; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh trên thị trường. Giúp cho công tác quản lý, theo dõi, kiểm soát của các cấp, các ngành đạt hiệu quả hơn, đảm bảo chất lượng của sản phẩm hàng hóa. Đồng thời hoàn thành nhiệm vụ về xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Công dữ liệu mở của tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo việc kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần tăng chỉ số xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh, của ngành trong thời gian tới</p>
IV	<b>CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH; THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ</b>	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
25	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin "Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn"	<p>Ngày 04/5/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Theo đó yêu cầu các ngành, các cấp phải nắm bắt cơ hội, đưa ra các sản phẩm chủ lực, giải pháp thiết thực ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng chiến lược, chuyển đổi số phù hợp với xu thế phát triển của ngành. Cuộc Cách mạng 4.0 đặt ra cả cơ hội và thách thức cho ngành du lịch Việt Nam. Thị trường du lịch Việt Nam đang thay đổi do sự phát triển của công nghệ, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng nhanh của du lịch trực tuyến, do đó ngành du lịch cần phải đưa các ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng chiến lược chuyển đổi số và phát triển du lịch thông minh. Thực tế này buộc tất cả các thành phần trong ngành du lịch, từ các cơ quan quản lý nhà nước cho đến các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch đều đứng trước yêu cầu phải thực hiện quá trình chuyển đổi số càng sớm càng tốt, hướng tới hình thành một hệ thống du lịch thông minh tổng thể với hệ sinh thái dịch vụ du lịch đa dạng. Theo thống kê, hiện nay 90% khách du lịch có nhu cầu tra cứu thông tin du lịch qua Internet, do đó đòi hỏi ngành du lịch phải chuyển đổi số càng sớm càng tốt. Trong những năm qua, du lịch tỉnh Bắc Kạn đã đạt được những kết quả quan trọng; công tác quản lý nhà nước về du lịch được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến đầu tư được chú trọng và tăng cường... số lượng khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân hàng năm 10% và có đóng góp nhất định trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Kạn và sự phát triển du lịch chung của cả nước. Tuy nhiên, du lịch của tỉnh Bắc Kạn phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và còn nhiều hạn chế, nguyên nhân một phần là công tác quảng bá du lịch còn chưa đạt hiệu quả cao, chưa có các công cụ hữu hiệu để hỗ trợ, tương tác, cung cấp thông tin cho khách du lịch, doanh nghiệp; chưa có nhiều các chương trình tổng thể để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hình ảnh của tỉnh Bắc Kạn đến với bạn bè trong nước và quốc tế</p> <p>Chính vì vậy, để đáp ứng nhu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, nhu cầu của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ du lịch và đặc biệt là các đối tượng khách du lịch trong nước, quốc tế đến với tỉnh Bắc Kạn thì việc đầu tư triển khai thực hiện Đề án "Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn" là thực sự cần thiết và có tính khả thi cao. Giúp thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp, đơn vị lữ hành nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ viễn thông – công nghệ thông tin của địa phương nói riêng và Việt Nam nói chung</p>
V	<b>NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC</b>	

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
26	Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI).	<p>+ Hiện trạng:</p> <p>- Ngày 20/5/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định số 922/QĐ-BTTTT phê duyệt đề án “Xác định bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của quốc gia”. Căn cứ nội dung này, ngày 12/7/2022, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 1294/QĐ-UBND về Phê duyệt Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</p> <p>- Căn cứ Quyết định 922/QĐ-BTTTT, năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã triển khai đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số DTI 2021 của các cơ quan cấp Bộ và cấp tỉnh. Theo kết quả được công bố ngày 08/8/2022, Bắc Kạn xếp hạng chung ở vị trí 51. Trong đó xếp hạng theo từng Chỉ số chính lần lượt là: Nhận thức số - xếp thứ 36; Thê chế số - 57; Hạ tầng số - 24; Nhân lực số - 17; An toàn thông tin mạng - 54; Hoạt động chính quyền số - 55; Hoạt động kinh tế số - 17; Hoạt động xã hội số - 50. Giá trị trung bình DTI năm 2021 của Bắc Kạn đạt 0,3207</p> <p>- Để đánh giá chỉ số chuyển đổi số DTI 2021 của các cơ quan cấp Bộ và cấp tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng và thực hiện quy trình đánh giá, thẩm định, giải trình, tính toán điểm số, xếp hạng trên hệ thống phần mềm do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng</p> <p>+ Sự cần thiết:</p> <p>- Về phía tỉnh, tỉnh chưa thực hiện đánh giá chỉ số Chuyển đổi số, do đó, chưa có hệ thống phần mềm hỗ trợ nội dung này. Theo đó, để phục vụ cho nội dung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND, UBND tỉnh đã giao cho Sở Thông tin và Truyền thông nhiệm vụ xây dựng “Hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số chuyển đổi số của tỉnh” năm 2022</p>
27	Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.	<p>- Hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động giúp các đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ công chức, viên chức quản lý hồ sơ nhân sự hiệu quả, giảm chi phí, thời gian, công sức, thuận tiện trong việc tra cứu tìm kiếm hồ sơ cán bộ công chức, viên chức; góp phần nâng cao trình độ quản lý, tạo bước chuyển biến mang tính chất đột phá trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương</p> <p>- Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số.</p> <p>Nội dung, quy mô:</p> <p>- Tiếp tục thuê dịch vụ công nghệ thông tin phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ.</p> <p>- Triển khai phần mềm Quản lý thông tin cán bộ đến 169 đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.</p> <p>( Năm 2023, sau khi Sở Nội vụ triển khai xong nhiệm vụ: Xây dựng Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ sẽ kết thúc hợp đồng nhiệm vụ này)</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
28	Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	<p>Hiện nay, hệ thống các chính sách an sinh xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh có đến gần 20 loại chính sách với tổng kinh phí thực hiện hàng năm khoảng gần 600 tỷ đồng (năm 2022 là 560,540 tỷ đồng), sau khi tăng lương cơ sở từ tháng 7/2023, dự kiến kinh phí thực hiện là khoảng 700 tỷ đồng. Các chính sách được ban hành ở nhiều giai đoạn khác nhau, áp dụng cho nhiều nhóm đối tượng, trong đó có những nhóm đối tượng được thụ hưởng đồng thời nhiều chế độ; từ đó dẫn đến việc quản lý chính sách, quy trình chi trả cho đối tượng thụ hưởng chính sách bị chồng chéo, thiếu tính hệ thống, gây khó khăn cho các đơn vị, địa phương.</p> <p>Ngoài ra, công tác triển khai tổng hợp, báo cáo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh còn nhiều bất cập cụ thể như:</p> <p>Trong khâu tổng hợp, báo cáo nhu cầu kinh phí, các đơn vị, địa phương còn lúng túng do hệ thống biểu mẫu báo cáo phức tạp, thời gian báo cáo gấp, đồng thời do trình độ của cán bộ tổng hợp còn hạn chế nên các báo cáo phần lớn không đạt yêu cầu phải làm lại nhiều lần, do đó rất mất thời gian ở khâu tổng hợp số liệu tại các cấp ngân sách và tại đơn vị cơ sở. Đặc biệt, khối lượng thông tin, dữ liệu liên quan đến chính sách an sinh xã hội rất lớn, đa dạng và luôn biến động, nhưng hiện tại, toàn bộ việc tổng hợp số liệu tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác lập dự toán ngân sách địa phương và thực hiện các báo cáo định kỳ, đột xuất... theo quy định đều thực hiện bằng phương pháp thủ công trên bảng tính Excel nên tốn nhiều thời gian, nhân lực và chưa đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng. Ngoài ra, một số chính sách cùng chi trả một đối tượng nhưng được thực hiện ở nhiều văn bản khác nhau của Trung ương gây lúng túng trong việc lập danh sách, phê duyệt đối tượng hưởng chính sách, dẫn đến triển khai chậm, chậm chi trả cho đối tượng thụ hưởng</p> <p>Với các lý do trên, cần thiết phải áp dụng Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn. Qua đó, các chính sách được tính toán, tổng hợp nhanh chóng, chính xác, đúng đối tượng nhằm tham mưu cho UBND tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính đúng thời hạn quy định, đồng thời sau khi có nguồn kinh phí Bộ Tài chính cấp thì sẽ đã tham mưu phân bổ kinh phí cho các đơn vị, địa phương để các đối tượng nhanh chóng được hưởng chính sách</p> <p>Đánh giá phần mềm Hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn với phần mềm Xây dựng CSDL chung ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1 (dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo):</p> <p>+ Phần mềm Hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn: Hướng đến việc quản lý các thông tin liên quan đến kinh phí thực hiện chế độ, chính sách an sinh xã hội (lập dự toán, quyết toán, theo dõi việc chi trả thực tế,...). Toàn bộ kinh phí thực hiện và đối tượng thụ hưởng của các chính sách an sinh trong tất cả các lĩnh vực (giáo dục, y tế, đảm bảo xã hội,...), các nhóm đối tượng (trẻ em, học sinh, sinh viên, người nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi,...) được theo dõi, tổng hợp đầy đủ đến từng người, từng đơn vị hành chính.</p> <p>+ Phần mềm Xây dựng CSDL chung ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1 (dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo): Hướng đến việc quản lý đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; không theo dõi kinh phí thực hiện các chính sách liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo. Mặt khác, phần mềm chỉ theo dõi đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, không có dữ liệu về các nhóm đối tượng khác như trẻ em, học sinh, sinh viên, đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi,... nên không có đầy đủ thông tin phục vụ việc tổng hợp, theo dõi, quản lý toàn bộ các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
29	Triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	<p>- Căn cứ thực hiện: Theo qui định tại khoản 2, điều 20, Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 29/12/2018 của Bộ Y tế qui định: “giai đoạn từ năm 2024 – 2028: Tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc phải triển khai hồ sơ bệnh án điện tử”. Để đảm bảo triển khai hiệu quả và đúng qui định theo lộ trình của Bộ Y tế, Sở Y tế đề xuất không thực hiện bệnh án điện tử cho 09 đơn vị cùng 01 thời điểm mà thực hiện chuyển đổi bệnh án điện tử cho từng đơn vị để đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tại địa phương và lộ trình của Bộ Y tế</p> <p>- Bệnh viện đa khoa tỉnh là đơn vị số 01 trên địa bàn tỉnh về thực hiện công tác khám chữa bệnh. Việc triển khai hoàn thiện bệnh án điện tử sẽ giúp bệnh viện chuyển đổi số toàn diện, cung cấp các dịch vụ số về khám chữa bệnh trực tiếp cho người dân</p> <p>- Ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử sẽ giúp đơn vị có thể quản lý, lưu trữ hồ sơ bệnh án của bệnh nhân dễ dàng, tiết kiệm nguồn lực, đồng thời dễ dàng chia sẻ thông tin y tế và nâng cao hiệu suất cũng như chất lượng trong công tác chăm sóc người bệnh. Đồng thời giảm thiểu các chi phí trong khám chữa bệnh như: giấy, hồ sơ bệnh án, phim X-quang, điện tim, các chi phí thuê kho lưu trữ giấy tờ và lượng rác thải ra môi trường cũng giảm theo. Hướng tới bệnh viện không giấy tờ góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số ngành y tế</p> <p>- Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số, Xã hội số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi khám chữa bệnh</p>
30	Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	<p>- Căn cứ thực hiện: Theo qui định tại khoản 2, điều 20, Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 29/12/2018 của Bộ Y tế qui định: “giai đoạn từ năm 2024 – 2028: Tất cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc phải triển khai hồ sơ bệnh án điện tử”. Để đảm bảo triển khai hiệu quả và đúng qui định theo lộ trình của Bộ Y tế, Sở Y tế đề xuất không thực hiện bệnh án điện tử cho 09 đơn vị cùng 01 thời điểm mà thực hiện chuyển đổi bệnh án điện tử cho từng đơn vị để đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình tại địa phương và lộ trình của Bộ Y tế</p> <p>-TTYT huyện Bạch Thông là đơn vị trong các năm qua thực hiện tốt phần mềm quản lý bệnh viện. Việc triển khai Bệnh án điện tử sẽ giúp đơn vị thực hiện tốt hơn về công tác khám chữa bệnh, giúp bệnh viện chuyển đổi số toàn diện, cung cấp các dịch vụ số về khám chữa bệnh trực tiếp cho người dân</p> <p>- Ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử sẽ giúp đơn vị có thể quản lý, lưu trữ hồ sơ bệnh án của bệnh nhân dễ dàng, tiết kiệm nguồn lực, đồng thời dễ dàng chia sẻ thông tin y tế và nâng cao hiệu suất cũng như chất lượng trong công tác chăm sóc người bệnh. Đồng thời giảm thiểu các chi phí trong khám chữa bệnh như: giấy, hồ sơ bệnh án, phim X-quang, điện tim, các chi phí thuê kho lưu trữ giấy tờ và lượng rác thải ra môi trường cũng giảm theo. Hướng tới bệnh viện không giấy tờ góp phần thúc đẩy công tác chuyển đổi số ngành y tế</p> <p>- Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số, Xã hội số, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi khám chữa bệnh</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
31	Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh	<p>Hệ thống CSDL, hệ thống quản lý các kỳ thi hiện đang sử dụng thí điểm miễn phí nên chưa đáp ứng đầy đủ các chức năng khai thác, sử dụng theo yêu cầu; các hệ thống khác trong Hệ sinh thái ngành chưa có kinh phí triển khai thực hiện đồng bộ nên hiệu quả còn thấp. Mặt khác, thời gian sử dụng miễn phí đã hết, CSDL khi sử dụng miễn phí không do ngành làm chủ nên việc an toàn dữ liệu không đảm bảo lâu dài. Vì vậy, để đảm bảo quản lý CSDL ngành và triển khai các hệ thống đáp ứng nhu cầu công việc, nâng cao hiệu quả công việc từng bước thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành cũng như của tỉnh</p>
32	Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn	<p>Công tác quản lý chất lượng giáo dục trong đó cơ bản là việc thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường chuẩn quốc gia là việc thường xuyên của các cơ sở giáo dục và được quy định trong luật giáo dục. Mỗi cơ sở giáo dục hàng năm phải thực hiện công tác tự đánh giá, thực hiện công tác cải tiến chất lượng giáo dục, các cấp quản lý phải giám sát, hỗ trợ và kiểm tra việc thực hiện của đơn vị. Việc thực hiện tự đánh giá tại các cơ sở giáo dục mất nhiều thời gian từ việc lập các CSDL về nhà trường, chất lượng giáo dục, thu thập các thông tin, minh chứng, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, báo cáo cấp quản lý... trước đây thực hiện hoàn toàn thủ công, các báo cáo và minh chứng phải in bản giấy và nộp định kỳ cho cấp quản lý, công tác quản lý của cấp quản lý thực hiện thủ công nên rất mất thời gian và nhân lực vì số cơ sở giáo dục nhiều (298 trường học). Công tác đánh giá ngoài và công nhận trường chuẩn quốc gia khi không có phần mềm cũng phải thực hiện thủ công, mất nhiều thời gian tổ chức họp và tổng hợp các báo cáo đánh giá. Vì vậy, sử dụng phần mềm để hỗ trợ là rất cần thiết, giảm được thời gian, nhân lực, kinh phí in ấn, diện tích lưu trữ</p>
33	Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ (Nâng cấp phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; phần mềm đánh giá cán bộ	<p>Thực hiện Quyết định số 893/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, Ban Cán sự đảng Bộ Nội vụ đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/BCSĐ về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, xác định nhiệm vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) là một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay, không chỉ của Bộ Nội vụ mà còn của tất cả các Bộ, ban ngành và địa phương, ngày 29/12/2022, Bộ Nội vụ đã chính thức khai trương CSDLQG về CBCCVC và đi vào hoạt động, thông tin CBCCVC được thống nhất sử dụng trên CSDLQG là mẫu 2C hợp nhất (có 109 trường thông tin). CSDL quốc gia về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước dự kiến quản lý xấp xỉ 2,5 triệu hồ sơ điện tử về CBCCVC trên cả nước, trong đó tỉnh Bắc Kạn đã đồng bộ hơn 12.000 hồ sơ theo biểu mẫu 2C hợp nhất <b>nhưng chưa đầy đủ các trường thông tin theo yêu cầu</b>. Phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC của tỉnh Bắc Kạn được xây dựng từ năm 2019 các trường thông tin thực hiện theo quy định tại Quyết định số 4233/QĐ-BNV ngày 30/11/2016, hiện tại không</p>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
	<i>khen thưởng, phần mềm quản gia căn bộ, công chức, viên chức, người lao động)</i>	đáp ứng yêu cầu có đủ 109 trường thông tin. Hiện nay công tác đánh giá xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động hằng năm vẫn đang được thực hiện thủ công bằng bản giấy từ các cá nhân, đơn vị, do đó bộ phận tổ chức cán bộ các cơ quan đơn vị gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổng hợp.... Việc xây dựng nền tảng dùng chung ngành Nội vụ (mở thêm các Module) bao gồm quản lý thông tin CBCCVC; quản lý hồ sơ CBCCVC, đánh giá xếp loại chất lượng hằng năm; thi đua khen thưởng từng bước tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng tốc độ xử lý công việc, đẩy mạnh sử dụng và lưu trữ văn bản số, giảm chi phí hoạt động, từng bước xây dựng môi trường làm việc hiện đại, tiết kiệm thời gian, đồng bộ với CSDLQG về CBCCVC.
34	Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh	Việc kiểm soát nhận dạng phương tiện trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn quản lý theo cách thủ công chưa được khoa học bằng việc ghi chép sổ sách dẫn đến khó khăn trong việc tối ưu hóa hoạt động của các doanh nghiệp cũng như quá trình theo dõi, quản lý của cơ quan nhà nước. Do đó việc xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh đối với các doanh nghiệp vận tải là vô cùng cần thiết. Với những tính năng được tích hợp, giải pháp này thực sự trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực không chỉ đối với doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước mà còn góp phần không nhỏ trong việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật khi trực tiếp tham gia giao thông của đội ngũ lái xe.
35	Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn	Hệ thống quản trị Báo điện tử Bắc Kạn hiện tại được nâng cấp trên cơ sở cấu trúc hệ thống trang thông tin điện tử được tạo lập từ năm 2005. Hệ thống đã và đang bộc lộ nhiều bất cập do các chức năng đã quá lạc hậu, lỗi thời, không đáp ứng được nhu cầu thiết kế, trình bày các sản phẩm báo chí hiện đại. Việc tác nghiệp của tòa soạn gặp rất nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, công sức nhưng chất lượng không cao. Hệ thống quản trị Báo in của Báo Bắc Kạn chưa được đầu tư. Trước yêu cầu cấp thiết về việc chuyển đổi phương thức sản xuất, tăng chất lượng, hiệu quả công tác biên tập, chế bản, trình bày báo, Tòa soạn đã nỗ lực tìm kiếm giải pháp và từ tháng 10/2022, Báo Bắc Kạn được một đơn vị cung cấp dịch vụ đồng ý cho dùng thử phần mềm quản trị báo in. Qua thời gian thử nghiệm mô hình tòa soạn không giấy, năng suất và hiệu quả hoạt động sản xuất báo in được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên, thời gian sử dụng miễn phí 03 tháng đã kết thúc vào 31/12/2022. Hiện nay đơn vị đang thử phần mềm quản trị báo in của một đơn vị khác. Để đảm bảo hoạt động hiệu quả trong bối cảnh tiếp tục phải cắt giảm nhân lực, Báo Bắc Kạn rất cần được hỗ trợ xây dựng mô hình tòa soạn tinh gọn theo hướng hội tụ, đa phương tiện. Muốn vận hành tốt tòa soạn hội tụ, cần có một hệ thống nền tảng tích hợp (báo in và báo điện tử chung một hệ thống) để quản trị và phân phối các sản phẩm báo chí một cách hiệu quả với sự hỗ trợ của công nghệ số
36	Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số Sở Tài nguyên và Môi trường	Hiện nay, hệ thống máy tính của Sở được trang bị từ năm 2005, cấu hình thấp không đáp ứng được cài đặt phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đất đai, khoáng sản, đây là các nội dung thường xuyên liên quan trực tiếp đến quá trình khai thác sử dụng số liệu phục vụ công tác quản lý cũng như cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham khảo. Do vậy việc trang bị thêm máy móc để phục vụ chuyển đổi số là rất cần thiết cho bộ phận chuyên môn

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
VI	<b>NHÓM NHIỆM VỤ VỀ CHUYÊN ĐỔI NHẬN THỨC, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC</b>	
37	Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh được thành lập theo Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn do Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng Ban chỉ đạo, Phó Chủ tịch UBND tỉnh là Phó Trưởng ban thường trực và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông là Phó Trưởng ban cùng các thành viên là Giám đốc các Sở, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố</li> <li>- Ban Chỉ đạo tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần; hàng năm ban hành Kế hoạch hoạt động cụ thể; tổ chức kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương</li> <li>- Ban Chỉ đạo chưa được tham gia các Hội nghị, Hội thảo liên quan do Chính phủ hoặc các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố tổ chức; chưa tổ chức học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh triển khai tốt mô hình Chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 05/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn và đổi tên Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn</li> <li>- Phát huy vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số của tỉnh trong công tác tham mưu giúp UBND tỉnh Bắc Kạn chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn phát triển</li> <li>- Phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh như kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; học tập kinh nghiệm chuyển đổi số của các địa phương khác</li> </ul>
38	Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146)	<p>+ Hiện trạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số cơ chế, chính sách quy định về ứng dụng và phát triển CNTT của Chính phủ chưa cụ thể và đồng bộ trong những hoạt động như: Định danh và xác thực điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt,...</li> <li>- Việc ứng dụng CNTT, hiện đại hóa hành chính chưa thật sự đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0: chưa thật sự hình thành được “Công dân điện tử”, trình độ hiểu biết, ứng dụng về CNTT của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; tỷ lệ hồ sơ DVCTT còn thấp</li> <li>- Nguồn nhân lực CNTT trong các cơ quan, đơn vị hiện vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ, đặc biệt là thiếu cán bộ CNTT và an toàn bảo mật thông tin được đào tạo đúng chuyên ngành</li> </ul> <p>+ Sự cần thiết:</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số để cụ thể hóa và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nâng cao nhận thức để thực hiện chuyển đổi số vì nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số; Phổ cập kỹ năng số để người dân được tiếp cận kiến thức, kỹ năng số để cùng tham gia vào quá trình chuyển đổi số, mở ra cơ hội tiếp cận các dịch vụ số một cách bình đẳng, giúp xây dựng một xã hội số bao trùm và toàn diện; Phát triển nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số hiệu quả và bền vững, giúp thực hiện thành công các mục tiêu đề ra trong Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể gồm các nội dung như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng chương trình truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng</li> <li>- Xây dựng, thiết lập và duy trì thường xuyên các chuyên mục, chuyên trang về chuyển đổi số; đưa tin, bài về chuyển đổi số trên hệ thống báo chí, báo điện tử, các diễn đàn trực tuyến</li> <li>- Sản xuất, phát lại các chương trình, phim tài liệu, phóng sự, tin, bài, ảnh, trao đổi, đối thoại, chuyên đề chuyên sâu về chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh truyền hình của tỉnh đăng nhất trên các nền tảng khác nhau và trên</li> </ul>

STT	TÊN NHIỆM VỤ, DỰ ÁN	Sự cần thiết
		<p>các phương tiện thông tin đại chúng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, triển lãm, trưng bày lưu động về sản phẩm số, giải pháp số, các thành tựu về chuyển đổi số</li> <li>- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo ngắn hạn, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan từ tỉnh đến cấp xã, trong tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn</li> <li>- Đào tạo, bồi dưỡng tối thiểu 20 chuyên gia chuyển đổi số được cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới nhất về chuyển đổi số, công nghệ số; hình thành mạng lưới chuyên gia chuyển đổi số của tỉnh</li> </ul>
39	Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn	<p>+ Hiện trạng và sự cần thiết:  + Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia  + Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và tổ chức lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn góp phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của CBCCVV và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về lợi ích và tham gia các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh</li> <li>- Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp để bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số</li> </ul>

Biểu số 04/CĐS

**BIỂU SỐ ƯU TIÊN THỰC HIỆN NĂM 2023***tỉnh Bắc Kạn)**Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>+ Tác động đến chính quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phủ sóng wifi - Internet không dây mang đến nét hiện đại cho các huyện, thành phố, giảm hệ thống dây dẫn gây mất mỹ quan đô thị của các doanh nghiệp viễn thông, góp phần xây dựng và phát triển đô thị Bắc Kạn trở thành thành phố văn hóa, sinh thái, hướng tới kinh tế tri thức và đô thị thông minh, góp phần xây dựng tỉnh Bắc Kạn ngày càng phát triển</li> <li>- Tạo cơ sở hạ tầng cho việc hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cung cấp sử dụng các dịch vụ hành chính công trực tuyến, xây dựng chính quyền điện tử nâng cao năng suất lao động</li> <li>- Cung cấp kết nối để thực hiện giám sát, quan sát từ xa, tạo cơ sở hạ tầng cho việc quản lý giám sát giao thông, hệ thống camera quan sát, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ... của thành phố giảm thiểu tai nạn, đảm bảo an toàn.</li> </ul> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh, tận dụng được hạ tầng kỹ thuật, nhân lực của doanh nghiệp tăng doanh thu</li> <li>- Xây dựng hệ thống truy nhập Internet không dây WiFi băng rộng trên nền mạng cáp quang với công nghệ tiên tiến để cung cấp wifi miễn phí tại một số khu vực trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn</li> <li>- Người dân có thể dễ dàng sử dụng dịch vụ Wifi miễn phí tại các điểm du lịch, khu đông dân cư hay tại các điểm tiếp công dân tại Bộ phận một cửa các cơ quan, đơn vị</li> </ul>
<p>- Tác động đến chính quyền: Phục vụ phát triển, hoàn thiện hạ tầng số của tỉnh; Là đầu mối duy nhất kết nối đồng bộ, quản lý tập trung tất cả hệ thống mạng nội bộ LAN của các đơn vị, địa phương thành Hệ thống mạng diện rộng WAN của tỉnh để kết nối liên thông trao đổi, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan, đơn vị</p>

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>- Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp: Đảm bảo công tác phổ biến, quán triệt và triển khai công việc, công tác điều hành hoạt động từ trung ương, xuống địa phương được xuyên suốt, kịp thời, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại, tăng hiệu quả công việc, thu hẹp khoảng cách địa lý; truyền tải thông tin chỉ đạo, điều hành trực tiếp hơn tới nhiều người, đem lại hiệu quả trong công tác điều hành quản lý nhà nước, cải cách hành chính cũng như công tác phòng chống dịch</p>
<p>+ Tác đến chính quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao hiệu quả việc triển khai học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị Quyết của Trung ương, của tỉnh; phục vụ các cuộc họp trực tuyến của tỉnh, tiết kiệm kinh phí, thời gian, nâng cao hiệu quả các cuộc họp, hội nghị của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.</li> <li>- Duy trì Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh đến cấp xã hoạt động ổn định và đáp ứng điều hành của chính quyền các cấp trên môi trường mạng, giúp tiết kiệm ngân sách nhà nước, phục vụ đặc lực công tác chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp,</li> <li>- Góp phần nâng cao tỷ lệ các cuộc họp cơ quan nhân nước được tổ chức trực tuyến.</li> </ul>

**Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp**

+ Tác đến chính quyền:

- Nâng cao hiệu quả việc triển khai học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị Quyết của Trung ương, của tỉnh; phục vụ các cuộc họp trực tuyến của tỉnh, tiết kiệm kinh phí, thời gian, nâng cao hiệu quả các cuộc họp, hội nghị của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.
- Duy trì Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh đến cấp xã hoạt động ổn định và đáp ứng về đảm bảo ATTT theo quy định của Ban Cơ yếu Chính phủ.
- Tiết kiệm kinh phí duy trì hoạt động hệ thống của tỉnh so với thuê dịch vụ
- Góp phần nâng cao tỷ lệ các cuộc họp cơ quan nhà nước được tổ chức trực tuyến.

Hỗ trợ trang bị máy tính để bàn, máy scan cho bộ Một cửa cấp xã để phục vụ người dân khi đến thực hiện các thủ tục hành chính.

Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp
<p>+ Tác động đến chính quyền: Xây dựng được Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; các CSDL chuyên ngành sẽ kết nối, đồng bộ, chia sẻ thông qua Cổng dữ liệu mở để cơ quan, tổ chức, người dân dễ dàng khai thác, sử dụng</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Kho dữ liệu dùng chung giúp cơ quan nhà nước phát triển và quản lý dữ liệu; cung cấp dữ liệu mở cho người dân khai thác, sử dụng dữ liệu hiệu quả, thuận tiện</p>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ Phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh toàn diện, mọi mặt các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng và tạo nền tảng vững chắc cho quá trình chuyển đổi số tại địa phương; góp phần thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.</p> <p>+ Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số.</p> <p>- Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ người dân, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm đối tượng phục vụ, tạo bước đột phá trong phương cách hoạt động, tạo tiền đề xây dựng đô thị số, đô thị thông minh trong tương lai</p>
<p>Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ Số hóa báo cáo và biểu mẫu báo cáo quy định tại Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 về việc công bố danh mục báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ</p> <p>+ Cung cấp thông tin, dữ liệu về 8 chỉ tiêu kinh tế - xã hội để phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và đồng bộ dữ liệu về Hệ thống báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>+ Cung cấp thông tin giới thiệu, Niên giám thống kê của địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh và đồng bộ dữ liệu về Hệ thống báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ</p> <p>+ Kết nối các dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ</p> <p>+ Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số</p>

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ Giúp cơ quan chức năng nắm bắt thông tin kịp thời, nhanh chóng, tăng hiệu quả quản lý, bảo đảm an ninh trật tự, điều hành toàn diện hoạt động.</p> <p>+ Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.</p> <p>- Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Xây dựng công cụ để tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp tham gia phản ánh các vấn đề trên địa bàn tỉnh, đồng thời được sử dụng các dịch vụ, tiện ích thông minh thông qua việc kết nối tới các dịch vụ an ninh, y tế, môi trường, hành chính công.</p>
<p>+ Tác động đến chính quyền:</p> <p>- Tăng cường về năng lực tổ chức ứng phó, đồng thời đảm bảo việc phát hiện sớm các nguy cơ và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin quan trọng dùng chung của tỉnh và của cơ quan, đơn vị</p> <p>- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đội ứng cứu sự cố mạng máy tính của tỉnh; góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động chuyển đổi số của tỉnh</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số giúp người dân và doanh nghiệp an toàn, yên tâm hơn khi sử dụng các nền tảng mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử; hạn chế các khả năng mất, lộ thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng</p>
<p>+ Tác động đến chính quyền:</p> <p>- Tăng cường về năng lực tổ chức ứng phó, đồng thời đảm bảo việc phát hiện sớm các nguy cơ và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin quan trọng dùng chung của tỉnh và của cơ quan, đơn vị.</p> <p>- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Đội ứng cứu sự cố mạng máy tính của tỉnh; góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số giúp người dân và doanh nghiệp an toàn, yên tâm hơn khi sử dụng các nền tảng mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử; hạn chế các khả năng mất, lộ thông tin cá nhân, thông tin tài khoản ngân hàng...</p>

Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp
<p>+ Tác động đến chính quyền: Đảm bảo an toàn thông tin cho chuyển đổi số; đảm bảo an toàn thông tin cho các website của tỉnh; Phát hiện các thông tin liên quan tới máy chủ Web, hệ điều hành máy chủ, phiên bản phần mềm; giúp hệ thống Website của tỉnh hoạt động hiệu quả, ổn định...</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Hệ thống Website hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn thông tin giúp người dân, doanh nghiệp yên tâm khai thác thông tin, dữ liệu từ các Website của tỉnh;</p>
<p>+ Tác động đến chính quyền: Tăng cường về năng lực tổ chức ứng phó, đồng thời đảm bảo việc phát hiện sớm các nguy cơ và bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin quan trọng dùng chung của tỉnh và của cơ quan, đơn vị</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp: Triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số giúp người dân và doanh nghiệp an toàn, yên tâm hơn khi sử dụng các nền tảng mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại điện tử; hạn chế các khả năng mất, lộ thông tin cá nhân,...</p>
0

### Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp

- Tác động đến chính quyền:

- + Thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và lộ trình của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
  - + Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đất đai. Đầu tư nguồn lực hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai, bảo đảm quản lý, vận hành, kết nối và chia sẻ thông tin tập trung, thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã.
  - + CSDL đất đai được đưa vào hoạt động phục vụ tốt công tác chính lý biến động đất đai, cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai nhanh gọn, chính xác, công khai, minh bạch; công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh từng bước được kiểm soát chặt chẽ.
  - + Là tài liệu cơ sở phục vụ cho việc hoạch định chính sách kinh tế xã hội trên địa bàn huyện (khảo sát thiết kế các công trình giao thông, các khu du lịch, khu công nghiệp...)
- Tác động đến người dân và doanh nghiệp:
- + Thông tin được cập nhật nhanh chóng, kịp thời; số liệu được tích hợp và chia sẻ, phục vụ nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin của người dân và doanh nghiệp;
  - + Cơ sở dữ liệu đất đai đưa vào vận hành góp phần cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, kinh phí thực hiện trong việc giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực đất đai, phục vụ cho công tác quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

-Tác động đến chính quyền:

- + Xây dựng CSDL ngành công thương tỉnh Bắc Kạn cung cấp cho các sở, ban, ngành, địa phương số liệu thống kê chuyên ngành về công nghiệp, thương mại để góp phần phục vụ trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước của mình;
  - + Việc xây dựng CSDL ngành công thương giúp nhanh chóng tổng hợp và đưa ra các báo cáo, chỉ số về thương mại, công nghiệp, giúp lãnh đạo Sở có căn cứ, số liệu để nắm bắt tình hình phát triển kinh tế - xã hội của ngành, từ đó kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đưa ra những kế hoạch, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế ngành sát tình hình thực tiễn và phù hợp với địa phương.
  - + Phục vụ quản lý nhà nước trong công tác hoạch định chính sách phát triển sản xuất, kinh doanh công nghiệp, thương mại, dịch vụ và hướng tới xuất khẩu; xây dựng chiến lược, quy hoạch, xây dựng, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch công nghiệp và thương mại; cung cấp thông tin để kịp thời điều chỉnh các cân đối cung - cầu nhằm ổn định thị trường, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh.
  - + Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của ngành, góp phần phát triển Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.
- + Xây dựng hệ thống quản lý và tạo lập cơ sở dữ liệu các lĩnh vực: Công nghiệp, năng lượng, thương mại trên phiên bản web và phiên bản mobile, do đó dữ liệu được quản lý thống nhất, dễ tra cứu, sử dụng.

-Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

- + CSDL ngành công thương được liên thông kết nối và chia sẻ dùng chung cho toàn tỉnh góp phần giúp các đơn vị, cá nhân có nhu cầu có thể dễ dàng khai thác, sử dụng...
- + Giúp người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế nắm bắt được tình hình thị trường, các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực công thương trên địa bàn tỉnh,... phục vụ cho nhu cầu xây dựng kế hoạch, định hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức liên quan.

**Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp**

- Đối với chính quyền:

- + Việc xây dựng "Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc" giúp hình thành nguồn cơ sở thông tin, dữ liệu điện tử về lĩnh vực dân tộc, giúp quản lý dữ liệu một cách khoa học, hiệu quả; tổng hợp, lưu trữ dữ liệu chính xác, khách quan, đồng bộ và tra cứu dữ liệu nhanh chóng, thuận tiện.
  - + Giúp khắc phục những khó khăn đối với công tác thống kê các chỉ tiêu theo từng dân tộc; đáp ứng yêu cầu quản lý chung của tỉnh, phục vụ tốt công tác hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chính sách dân tộc trong từng thời kỳ.
  - + Nguồn dữ liệu về dân tộc được đồng bộ, chia sẻ, kết nối dữ liệu liên thông trên toàn tỉnh và với trung ương, giúp đáp ứng được các yêu cầu trao đổi, chia sẻ, cung cấp, khai thác thông tin của các đơn vị, tổ chức và cá nhân, giúp tiết kiệm thời gian, con người và chi phí.
- Đối với doanh nghiệp, người dân: Giúp doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận, tra cứu, tìm kiếm các thông tin liên quan về dân tộc (Số doanh nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số; các chương trình, dự án dành cho người dân tộc thiểu số...) một cách nhanh chóng, thuận tiện, tiết kiệm được thời gian, công sức và chi phí.

-Tác động đến chính quyền:

- + Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác đào tạo, tuyển sinh, chương trình, giáo án, kết quả trúng tuyển, kết quả đào tạo...nhanh chóng, kịp thời cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, học sinh, sinh viên và người dân.
  - + Tiết kiệm được chi phí duy trì các kho lưu trữ hồ sơ.
  - + Cung cấp giáo trình, giáo án điện tử.
  - + Cung cấp dữ liệu cho công tác nghiên cứu, dự báo đào tạo nguồn nhân lực.
- Tác động đến người dân, doanh nghiệp:
- + Cung cấp đầy đủ thông tin về các ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên trong việc lựa chọn nghề đào tạo.
  - + Giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, khai thác, sử dụng các dịch vụ trực tuyến dễ dàng, thuận tiện, mọi lúc, mọi nơi, giảm bớt nhiều kinh phí cho người dân (như: đăng ký tuyển sinh, đăng ký các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp, đăng ký các kỳ thi, tra cứu các thông tin, tra cứu kết quả học tập, xem kế hoạch dạy học, thông tin 2 chiều giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dân, học sinh, sinh viên...hoàn toàn trực tuyến). Giúp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp giảm tải các loại hồ sơ giấy chuyển sang hồ sơ số, ký số, theo dõi, quản lý các công việc trên môi trường số...

### Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp

-Tác động đến chính quyền:

- + Thực hiện theo đúng chỉ đạo và lộ trình của Bộ LĐTBXH
- + Tiết kiệm được chi phí duy trì các kho lưu trữ hồ sơ giấy
- + Cung cấp thông tin hộ nghèo, cận nghèo một cách cụ thể nhanh chóng, tiết kiệm thời gian trong công tác quản lý, tránh gây lãng phí thời gian. Số liệu hộ nghèo, cận nghèo được quản lý chính xác hơn, minh bạch hơn
- + Tạo thuận lợi cho việc cung cấp danh sách để thực hiện các chính sách liên quan đến hộ nghèo, người nghèo. Bên cạnh đó giúp cho công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách với hộ nghèo, người nghèo được thuận lợi, thông tin về hộ nghèo, người nghèo được công khai, minh bạch.
- + Cung cấp dữ liệu cho công tác nghiên cứu

'-Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

- + Là căn cứ thuận lợi giúp cho hộ nghèo, người nghèo được thụ hưởng các chế độ, chính sách
- + Người dân, doanh nghiệp có thể tự tra cứu thông tin trong việc hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo

Nghiên cứu khoa học là một quá trình liên tục, trong đó các công trình nghiên cứu đi sau kế thừa và tiếp nối kết quả của những công trình trước để tạo ra các tri thức và giá trị khoa học mới cho nhân loại. Các nguồn tin khoa học và công nghệ là yếu tố đầu vào không thể thiếu đối với mỗi nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu. Không có thông tin khoa học và công nghệ đầy đủ sẽ không thể tiến hành được hoạt động nghiên cứu một cách hiệu quả, đạt trình độ cao. Do đó, việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về KH&CN sẽ đem lại hiệu quả như sau:

- Đối với cơ quan quản lý, nhà khoa học:

- + Biết được thực trạng nghiên cứu và phát triển trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ;
- + Xác định các xu hướng nghiên cứu hiện nay trong lĩnh vực mình quan tâm;
- + Tránh trùng lặp trong nghiên cứu, không nghiên cứu những vấn đề mà thế giới hoặc người khác đã làm và tìm ra giải pháp;
- + Tìm kiếm đối tác nghiên cứu phù hợp để cộng tác, liên kết;

+ Tham khảo và sử dụng các kết quả nghiên cứu đã có để phục vụ cho nghiên cứu của mình.

- Đối với người dân, doanh nghiệp: có thể tìm kiếm, tra cứu dễ dàng các kết quả nghiên cứu khoa học và tải toàn bộ tài liệu, hướng dẫn về quy trình kỹ thuật của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiên cứu thành công để đem ra ứng dụng thực tế vào sản xuất và đời sống.

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ Cập nhật dữ liệu Số về quy hoạch cho chính quyền số, kinh tế số và công dân số</p> <p>- Tác động đến người dân, doanh nghiệp:</p> <p>+ Tự tra cứu các thông tin quy hoạch, điều kiện về đầu tư dự án; các thông tin về tình hình KT-XH trên địa bàn tỉnh để có các biện pháp, hình thức chủ động trong đầu tư xây dựng, và các công trình hạ tầng khác, Tra cứu, nắm bắt được thông tin, số liệu, vị trí, tính chất các đồ án quy hoạch trên địa bàn toàn tỉnh trong tất cả các lĩnh vực</p> <p>+ Cung cấp thông tin chính xác phục vụ thị trường bất động sản của tỉnh minh bạch, rõ ràng</p> <p>+ Cập nhật các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt chưa có kinh phí GIS hóa lên cổng thông tin của tỉnh. Tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư, nhân dân và doanh nghiệp khai thác thông tin và thực hiện TTHC toàn trình về quy hoạch, cấp phép xây dựng, thông tin công trình</p> <p>+ Góp phần xây dựng, phát triển và quản lý dữ liệu số của cơ quan nhà nước; kết nối, đồng bộ với Kho dữ liệu của tỉnh phục vụ người dân khai thác, sử dụng dữ liệu hiệu quả, thuận tiện</p>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ Đây là thành phần cốt lõi để thúc đẩy và triển khai các nền tảng số y tế khác cũng như các hệ thống thông tin, các ứng dụng chuyên ngành y tế góp phần thúc đẩy chuyên đổi số ngành y tế.</p> <p>+ Với kho dữ liệu giúp các đối tượng quản lý có thể theo dõi, báo cáo chăm sóc sức khỏe toàn diện và chuyên đổi chúng thành những thông tin chi tiết quan trọng để hoạch định các kế hoạch, dự báo và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt hơn</p> <p>+ Cung cấp báo cáo theo thời gian thực, báo cáo kịp thời, số liệu chính xác và là cơ sở để hoạch định các chính sách về y tế</p> <p>-Tác động đến người dân, doanh nghiệp:</p> <p>+ Là cơ sở dữ liệu chính thức và tổng quan cho người dân, doanh nghiệp có thể khai thác, sử dụng</p> <p>+ Người dân có thể tự tra cứu các thông tin y tế các nhân cũng như là các thông tin về tình hình y tế trên địa bàn tỉnh để có các biện pháp, hình thức chủ động trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bản thân.</p>
<p>1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước: số hóa các di tích đã được xếp hạng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động quản lý các di tích và đồng thời cũng là phục vụ công tác quản lý nhà nước về du lịch. Số hóa di tích có thể được quảng bá nhanh chóng thông qua mạng Internet, không giới hạn về thời gian, địa điểm, ngôn ngữ thực hiện liên thông dữ liệu số quốc gia về di sản văn hoá, bảo đảm đáp ứng hiệu quả dịch vụ cho xã hội, cộng đồng ở mọi lúc mọi nơi</p> <p>2. Đối với doanh nghiệp: hình thành và công khai cơ sở dữ liệu hệ thống định danh di sản văn hoá Bắc Kạn trên không gian mạng. Chuyển đổi các dữ liệu di tích sang dạng số, sử dụng các công nghệ nhận dạng, quét ba chiều cập nhật thường xuyên lên hệ thống kho dữ liệu. Các doanh nghiệp cũng có thể đăng tải các thông tin về di tích phục vụ hoạt động phát triển du lịch</p> <p>3. Đối với người dân, du khách: việc số hoá dữ liệu về di tích người dân, du khách được cung cấp đầy đủ những thông tin về di tích một cách dễ dàng hơn, nắm bắt tổng quan về di tích, chỉ cần gõ tên điểm đến là sẽ được chỉ đường đến nơi; Chỉ cần nhấn lựa chọn di tích cần tìm hiểu du khách sẽ đọc được những lời giới thiệu khái quát nhất</p>

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <p>+ CSDL quy hoạch số trên nền GIS là nền tảng để chính quyền xây dựng các chính sách đầu tư phát triển kinh tế-xã hội theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết; làm nền để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các dự án đầu tư; công trình xây dựng, các công trình hạ tầng và là dữ liệu đầu vào số cho các dự án đầu tư khác phục vụ chính quyền số, kinh tế số và công dân số</p> <p>+ Kho dữ liệu về quy hoạch giúp Chia sẻ thông tin dùng chung về quy hoạch, cấp phép và thông tin công trình cho chính quyền các cấp, cung cấp dịch vụ công toàn trình trong thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy hoạch tỉnh, cấp phép xây dựng theo quy hoạch, giám sát thực hiện xây dựng công trình theo quy hoạch, giám sát hoạt động xây dựng theo cấp phép</p> <p>+ Cung cấp báo cáo theo thời gian thực, báo cáo kịp thời, số liệu chính xác và là cơ sở để hoạch định các chính sách về đầu tư xây dựng, quản lý dự án và các công trình hạ tầng trên nền tảng số</p> <p>- Tác động đến người dân, doanh nghiệp:</p> <p>+ Là cơ sở dữ liệu chính thức và tổng quan cho người dân, doanh nghiệp có thể khai thác, sử dụng</p> <p>+ Người dân có thể tự tra cứu các thông tin quy hoạch, điều kiện về đầu tư dự án; các thông tin về tình hình KT-XH trên địa bàn tỉnh để có các biện pháp, hình thức chủ động trong đầu tư xây dựng, và các công trình hạ tầng khác, Tra cứu, nắm bắt được thông tin, số liệu, vị trí, tính chất các đồ án quy hoạch trên địa bàn toàn tỉnh trong tất cả các lĩnh vực</p> <p>+ Cung cấp thông tin chính xác phục vụ thị trường bất động sản của tỉnh minh bạch, rõ ràng</p> <p>+ Cập nhật các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt chưa có kinh phí GIS hóa lên cổng thông tin của tỉnh. Tạo thuận lợi cho các chủ đầu tư, nhân dân và doanh nghiệp khai thác thông tin và thực hiện TTHC toàn trình về quy hoạch, cấp phép xây dựng, thông tin công trình</p>
<p>+ Tác động đến chính quyền:</p> <p>- Cơ quan nhà nước có thể tổ chức đánh giá, xác định Chi số chuyển đổi số cho doanh nghiệp.</p> <p>- Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và tổ chức Mạng lưới tư vấn kinh tế số và chuyển đổi số doanh nghiệp.</p> <p>- Triển khai đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tạo những chuyển biến tích cực cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.</p> <p>- Góp phần phục vụ phát triển Kinh tế số.</p> <p>+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp:</p> <p>- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn thông qua việc triển khai Đề án xác định Chi số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số ban hành kèm theo Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông</p>

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp được ứng dụng thương mại điện tử điển hình, tham gia các sàn thương mại điện tử, website có chức năng thương mại điện tử, kết nối, liên kết với các sàn giao dịch, kết nối cung - cầu theo từng ngành, lĩnh vực.</li> <li>- Đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, mục tiêu và các điều kiện để thực hiện chuyển đổi số cho doanh nghiệp</li> <li>- Cung cấp thông tin, kiến thức, tài liệu về chuyển đổi số doanh nghiệp; quản lý thông tin, kết quả hỗ trợ chuyển đổi số doanh nghiệp, tuyên truyền các mô hình thành công điển hình, giới thiệu các kinh nghiệm thực tiễn, đăng ký hỗ trợ trực tuyến</li> </ul>
<p>Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn để phục vụ người tiêu dùng và người sản xuất (người dân, tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp...) cập nhật, tra cứu nguồn gốc, xuất xứ, thông tin về các sản phẩm, hàng hóa. Trên cơ sở đó sẽ đánh giá được quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng các sản phẩm đảm bảo công khai, minh bạch; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh trên thị trường. Giúp cho công tác quản lý, theo dõi, kiểm soát của các cấp, các ngành đạt hiệu quả hơn, đảm bảo chất lượng của sản phẩm hàng hóa. Đồng thời hoàn thành nhiệm vụ về xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở của tỉnh theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo việc kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần tăng chỉ số xếp hạng chuyển đổi số của tỉnh, của ngành trong các năm tới</p>

### Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp

1. Đối với cơ quan quản lý Nhà nước: công thông tin du lịch Bắc Kạn hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành, hướng dẫn các thủ tục hành chính. Các thông tin, sự kiện, lễ hội, tin tức, điểm du lịch... được thống nhất, giám sát về nội dung trước khi đăng tải. Qua đó, chính quyền có thể quảng bá thông tin về tài nguyên du lịch một cách chính thống tới người dân, tạo sự tin tưởng, yên tâm và đảm bảo cho du khách khi tới thăm quan Bắc Kạn; đồng thời, nhà quản lý có thể theo dõi, lắng nghe phản ánh, góp ý của người dân và du khách về giá cả, chất lượng dịch vụ du lịch... Các cơ quan quản lý Nhà nước sẽ có thêm kênh thông tin để phát hiện, xử lý các tình trạng như ép giá, đeo bám, chèo kéo khách du lịch, điểm đến xuống cấp... để có biện pháp xử lý kịp thời nhằm nâng cao hình ảnh trong lòng du khách, bảo đảm an ninh trật tự an toàn cho du khách, đồng thời có thể tham khảo để đánh giá, phân loại, xếp hạng chất lượng dịch vụ phục vụ khách du lịch đối với các khu, điểm du lịch
2. Đối với doanh nghiệp: là một kênh quảng bá chính thống hữu hiệu cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch. Tài nguyên du lịch được cập nhật liên tục, phong phú không chỉ bởi nhà quản lý mà chính các doanh nghiệp cũng có thể chia sẻ, quảng bá sản phẩm dịch vụ của mình tại đây: Giới thiệu các dịch vụ, giá cả, chất lượng ... Các doanh nghiệp cũng có thể đăng tải các thông tin khuyến mãi, kích cầu sử dụng dịch vụ, tham gia cung cấp các coupon (mã giảm giá) điện tử. Các doanh nghiệp cũng có thể kích hoạt chế độ đặt chỗ (book) được cung cấp trên hệ thống; đây còn là nơi các doanh nghiệp hợp tác với nhau, chia sẻ tài nguyên dịch vụ và lợi ích kinh doanh. Các doanh nghiệp có thể liên kết tạo ra một chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín từ nghỉ ngơi, di chuyển, ăn uống, tham quan
3. Đối với người dân, du khách: cung cấp các tiện ích và thông tin hữu hiệu về du lịch địa phương cho du khách trước, trong và sau chuyến đi; trước chuyến đi, du khách có thể tìm hiểu về các thông tin điểm đến, căn cứ vào túi tiền, sở thích, thời gian để lập kế hoạch chuyến đi. Công thông tin cung cấp công cụ lập kế hoạch thông minh, du khách có thể tự lập kế hoạch lịch trình hoặc hệ thống có thể tự đề xuất. Du khách cũng có thể đặt khách sạn, nhà hàng... trước chuyến đi; trong suốt chuyến đi, du khách có thể tra cứu, tìm kiếm thông tin: Tìm đường qua chức năng dẫn đường, xem tình hình giao thông, tìm các địa điểm xung quanh: Điểm đến, nhà hàng, sự kiện, lễ hội, tìm chỗ thuê ô tô, xe máy, nhà vệ sinh công cộng, ATM, trạm xe bus, cửa hàng đồ lưu niệm

### Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp

+ Tác động đến Chính quyền:

- Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan và công bằng kết quả thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đồng thời cung cấp tài liệu, dữ liệu nhằm phục vụ đánh giá mức độ Chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn định kỳ hàng năm
- Hệ thống sau khi xây dựng xong có thể tổng hợp, đánh giá chỉ số DTI của tỉnh, đáp ứng tiêu chí đánh giá chỉ số DTI quốc gia, hình thành CSDL về chuyển đổi số của tỉnh, giúp lãnh đạo tỉnh nắm bắt được các vấn đề tồn đọng về chuyển đổi số của các sở ngành, địa phương để kịp thời tháo gỡ và chỉ đạo điều hành
- Chỉ số chuyển đổi số được đánh giá trên 3 trụ cột: Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Hệ thống sẽ được triển khai đến tất cả các đơn vị tham gia đánh giá chỉ số Chuyển đổi số của tỉnh (các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn của tỉnh), việc phát sinh đơn vị được đánh giá không làm phát sinh thêm kinh phí phần mềm

+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

Thông qua việc đánh giá, xếp hạng chỉ số chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương, các đơn vị có thể thấy được những ưu điểm, hạn chế của mình trong hoạt động chuyển đổi số để khắc phục hạn chế và phát huy ưu điểm trong triển khai chuyển đổi số, từ đó phục vụ tốt hơn cho chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn

- Tác động đến chính quyền: Hệ thống Phần mềm Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động giúp các đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ công chức, viên chức quản lý hồ sơ nhân sự hiệu quả, giảm chi phí, thời gian, công sức, thuận tiện trọng việc tra cứu tìm kiếm hồ sơ cán bộ công chức, viên chức; góp phần nâng cao trình độ quản lý, tạo bước chuyển biến mang tính chất đột phá trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp**

- Tác động đến chính quyền:
  - + Phục vụ việc tính toán, tổng hợp các chính sách an sinh xã hội nhanh chóng, chính xác, đúng đối tượng
  - + Nâng cao hiệu quả quản lý chính sách an sinh xã hội
  - + Phục vụ nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành, góp phần phát triển Chính quyền số
  - + Cung cấp thông tin về số đối tượng thụ hưởng và kinh phí thực hiện chính sách theo thực tế chi trả, số liệu chính xác và kịp thời là cơ sở để xây dựng dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm; tránh tình trạng thừa hoặc thiếu kinh phí do khâu tổng hợp không đảm bảo chất lượng
  - + Tiết kiệm được chi phí duy trì các kho lưu trữ hồ sơ giấy
  - + Quản lý số liệu chặt chẽ, minh bạch giúp cho công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách an sinh xã hội được thuận lợi
- Tác động đến người dân: Các đối tượng chính sách sẽ được hưởng chế độ kịp thời, nhanh chóng hơn do các khâu từ rà soát, tổng hợp, báo cáo, cấp bổ sung kinh phí đã được đẩy nhanh, giảm bớt thời gian thực hiện

**Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp**

- Tác động đến chính quyền:

- + Thực hiện theo đúng chỉ đạo và lộ trình của Bộ Y tế
- + Cung cấp thông tin, dữ liệu lâm sàng nhanh chóng, kịp thời cho các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác
- + Tiết kiệm được chi phí duy trì các kho lưu trữ hồ sơ bệnh án giấy
- + Việc triển khai bệnh án điện tử cùng với triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giúp cho ngành có được dữ liệu về sức khỏe của người dân đầy đủ, chính xác và kịp thời
- + Cung cấp dữ liệu cho công tác nghiên cứu
- + Bệnh án điện tử cũng góp phần công khai, minh bạch trong khám chữa bệnh

-Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

- + Bệnh án điện tử giúp người bệnh không phải lưu trữ tất cả loại giấy tờ khi đi khám bệnh, chữa bệnh, như: Kết quả chẩn đoán, kết quả xét nghiệm, danh mục thuốc
- + Người bệnh không phải lo lắng nếu làm mất kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh.

Hoàn toàn dễ dàng so sánh từng chỉ số xét nghiệm, kết quả khám sức khỏe tổng quát định kỳ

- + Kết hợp với việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, Bệnh án điện tử giúp người bệnh tự quản lý thông tin sức khỏe liên tục, suốt đời của mình. Lưu trữ tiền sử gia đình, tiền sử bệnh, tiền sử dị ứng thuốc đầy đủ hơn Từ đó, chủ động phòng bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của mình

- Tác động đến chính quyền:

- + Thực hiện theo đúng chỉ đạo và lộ trình của Bộ Y tế
- + Cung cấp thông tin, dữ liệu lâm sàng nhanh chóng, kịp thời cho các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác.
- + Tiết kiệm được chi phí duy trì các kho lưu trữ hồ sơ bệnh án giấy
- + Việc triển khai bệnh án điện tử cùng với triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử giúp cho ngành có được dữ liệu về sức khỏe của người dân đầy đủ, chính xác và kịp thời
- + Cung cấp dữ liệu cho công tác nghiên cứu.
- + Bệnh án điện tử cũng góp phần công khai, minh bạch trong khám chữa bệnh

- Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

- + Bệnh án điện tử giúp người bệnh không phải lưu trữ tất cả loại giấy tờ khi đi khám bệnh, chữa bệnh, như: Kết quả chẩn đoán, kết quả xét nghiệm, danh mục thuốc
- + Người bệnh không phải lo lắng nếu làm mất kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh.

Hoàn toàn dễ dàng so sánh từng chỉ số xét nghiệm, kết quả khám sức khỏe tổng quát định kỳ.

- + Kết hợp với việc triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử, Bệnh án điện tử giúp người bệnh tự quản lý thông tin sức khỏe liên tục, suốt đời của mình. Lưu trữ tiền sử gia đình, tiền sử bệnh, tiền sử dị ứng thuốc đầy đủ hơn. Từ đó, chủ động phòng bệnh, chủ động chăm sóc sức khỏe của mình

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>* Tác động đến chính quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thiện hệ thống CSDL ngành là hệ thống nền tảng để thực hiện công tác chuyển đổi số của ngành, thực hiện quản lý, khai thác, chia sẻ dữ liệu cơ bản của toàn ngành GD&amp;ĐT trên phạm vi toàn tỉnh để các đơn vị khác khai thác, sử dụng. CSDL được thường xuyên cập nhập đảm bảo “sống, sạch”.</li> <li>- Các hệ thống trong hệ sinh thái giáo dục thông minh giúp việc quản lý, điều hành các công việc liên quan đến ngành GD&amp;ĐT hoàn toàn trên môi trường số, giúp giảm bớt được số người thực hiện, giảm bớt được nhiều thời gian, giảm các chi phí về hồ sơ giấy, chi phí đi lại... đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, hỗ trợ hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát, điều hành.</li> <li>- Hệ thống quản lý tập trung thống nhất trên toàn ngành, đáp ứng theo chỉ đạo của Bộ GD&amp;ĐT, đảm bảo các yêu cầu về chuyển đổi số của tỉnh, của ngành.</li> </ul> <p>* Tác động đến người dân, doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tra cứu, khai thác, sử dụng các dịch vụ trực tuyến dễ dàng, thuận tiện, mọi lúc, mọi nơi, giảm bớt nhiều kinh phí cho người dân trên các hệ thống của ngành triển khai (như: đăng ký tuyển sinh, chuyển trường, thanh toán, đăng ký các dịch vụ giáo dục, đăng ký các kỳ thi, tra cứu các thông tin, tra cứu kết quả học tập, xem kế hoạch dạy học, thông tin 2 chiều giữa nhà trường và người dân, học sinh tra cứu và đăng ký mượn sách... hoàn toàn trực tuyến).</li> <li>- Giúp nhà trường, giáo viên chuyển các loại hồ sơ giấy chuyên sang hồ sơ số, thực hiện ký số, thực hiện việc theo dõi, quản lý các công việc trên môi trường số...</li> </ul>
<p>* Tác động đến chính quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống phần mềm trực tuyến hỗ trợ công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia đồng bộ với CSDL ngành GD&amp;ĐT</li> <li>- Hỗ trợ, quản lý quá trình tự đánh giá và công nhận trường chuẩn quốc gia toàn diện, trực tuyến, liên thông các cấp quản lý</li> <li>- Giúp nhà trường khai thác CSDL tự động từ hệ thống CSDL ngành, quản lý và hỗ trợ thực hiện hoàn thiện các bước tự đánh giá theo đúng quy trình và thông tư của Bộ GD&amp;ĐT, nhà trường kế thừa các báo cáo tự đánh giá của các năm trước và thực hiện cho năm hiện tại nhanh chóng, chính xác, hỗ trợ công tác quản lý kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường</li> <li>- Cấp quản lý theo dõi, tổng hợp, hỗ trợ nhà trường hoàn thiện tự đánh giá trực tuyến. Thực hiện quy trình đánh giá ngoài tòa điện trên hệ thống phần mềm</li> <li>- Giúp giảm bớt thời gian, công sức hoàn thiện báo cáo tự đánh giá của nhà trường; cấp quản lý thực hiện đánh giá nhanh và hoàn toàn trực tuyến.</li> </ul> <p>* Tác động đến người dân, doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp các cá nhân hỗ trợ công tác tự đánh giá thực hiện công việc hoàn toàn trực tuyến, góp ý, kiểm tra các thông tin, minh chứng trực tuyến trên hệ thống phần mềm</li> <li>- Tra cứu công khai các kết quả tự đánh giá và đánh giá ngoài của nhà trường</li> </ul>
<p>- Tác động đến chính quyền:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Là cơ sở để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được Thủ tướng giao cho Bộ Nội vụ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/12/2023 (<b><i>Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thời gian hoàn thành trong tháng 6 năm 2023</i></b>). Bộ Nội vụ đã chỉ đạo thực hiện tại Công văn số 639/BNV-VP ngày 21/2/2023.</li> <li>+ Là cơ sở dữ liệu chính thức và tổng quan cho các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ tổng hợp, phân tích dữ liệu nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Trung ương và của tỉnh;</li> <li>+ Thông tin, dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan nhà nước được chuẩn hóa, chuyển đổi đồng bộ, được đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật tối đa;</li> <li>+ Cung cấp báo cáo theo thời gian thực, báo cáo kịp thời, số liệu chính xác và là cơ sở để hoạch định các chính sách về công tác biên chế, tổ chức bộ máy như: Bố trí sử dụng biên</li> </ul>

<b>Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp</b>
<p>chế; xây dựng kế hoạch quản lý sử dụng nhân sự qua hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm,...số lượng CBCCVV hiện có của địa phương.</p> <p>+ Sau khi cập nhật Phần mềm lên phiên bản mới và thực hiện cấp tài khoản cho các cá nhân sẽ giảm tải cho cán bộ phụ trách phần mềm và bộ phận quản lý nhân sự tại các cơ quan, đơn vị (cá nhân chịu trách nhiệm cập nhật thông tin khi có biến động; bộ phận quản lý nhân sự chỉ thực hiện việc rà soát, đối chiếu hồ sơ với thông tin cá nhân cập nhật và xác thực thông tin mới).</p> <p>+ Từng bước hình thành nền tảng dùng chung ngành Nội vụ phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số.</p>
<p>- Tác động đến Chính quyền: giúp quản lý nhà nước giám sát và quản lý chặt chẽ hơn về quá trình làm việc của các phương tiện</p> <p>- Tác động đến người dân: giúp cho người dân nắm bắt được an toàn giao thông đường bộ, xảy ra tai nạn có thể trích xuất thiết bị giám sát hành trình phương tiện vận tải được minh bạch hơn</p> <p>- Tác động đến doanh nghiệp:</p> <p>+ Việc lắp đặt sản phẩm này sẽ giúp các chủ doanh nghiệp giám sát chặt chẽ lộ trình xe, tốc độ để kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở tài xế, từ đó góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải.</p> <p>+ Thiết bị giám sát hành trình giúp quản lý tính hiệu quả của từng xe và được báo cáo chính xác, nhanh chóng lên phần mềm</p> <p>+ Nhờ quản lý bằng hệ thống giám sát xe trực tuyến nên hạn chế được những sai sót do nhân viên thực hiện thủ công. Ngoài ra, việc giám sát lộ trình đi lại của tài xế tránh tình trạng ăn lận xăng dầu, gian lận ngày công làm việc</p>
<p>Việc xây dựng nền tảng tòa soạn số và cơ sở dữ liệu số sẽ cơ bản giúp báo Bắc Kạn thành tòa soạn báo “không giấy tờ” với quy trình xuất bản báo in và báo điện tử khép kín. Giúp chính quyền, người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận với các loại hình báo chí để lựa chọn kênh thông tin phục vụ lợi ích của đơn vị mình.</p>
<p>Nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo trang thiết bị máy móc phục vụ hoạt động</p>

Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp
<p>- Tác động đến Chính quyền, người dân, doanh nghiệp:            Phục vụ các hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh như kiểm tra hoạt động chuyển đổi số tại các đơn vị, địa phương; học tập kinh nghiệm chuyển đổi số của các địa phương khác... góp phần thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số của tỉnh Bắc Kạn phát triển, phục vụ chính quyền, người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.</p>
<p>+ Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp:            - Lãnh đạo các cấp, các ngành trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận thức sâu sắc về chuyển đổi số để chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mình. Mọi người dân trên địa bàn tỉnh được cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội            - Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan từ tỉnh đến cấp xã, trong tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.            - 100% người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh biết đến các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; thành thạo cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu</p>

**Tác động đến chính quyền, người dân và doanh nghiệp**

+ Tác động đến chính quyền:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn nhằm thực hiện có hiệu quả Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 03/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

+ Tác động đến người dân, doanh nghiệp:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của CBCCVC và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về lợi ích và tham gia các hoạt động chuyển đổi số của tỉnh

- Thúc đẩy sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp để bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số

**BIỂU PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**  
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Tổng kinh phí thực hiện	Hình thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Số kinh phí bố trí	Ghi chú
1	2	3	3	4	5	6	7
	<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>60.864,4</b>	
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp, nhiệm vụ triển khai thường xuyên</b>					<b>27.433,4</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Xây dựng</b>					<b>1.198</b>	
-		Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn (bao gồm thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT quản lý, phân tích dữ liệu giám sát vệ tinh, đồng bộ CSDL quy hoạch lên cổng thông tin điện tử và phần mềm một cửa)	1.198	Thuê dịch vụ	2023	1.198	
<b>2</b>	<b>Sở Công Thương</b>					<b>3.194</b>	
-		Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương tỉnh Bắc Kạn	3.220	Đầu tư	2022-2023	3.194	Năm 2022 đã giải ngân 26 triệu đồng
<b>3</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>					<b>990</b>	
-		Duy trì thuê hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục	3.042	Thuê dịch vụ	2021-2024	990	Năm 2022 đã giải ngân 1.062 triệu đồng
<b>4</b>	<b>Ban Dân tộc</b>					<b>894</b>	
-		Xây dựng "Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn"	2.479	Đầu tư	2022-2023	894	Năm 2022 đã giải ngân 1.585 triệu đồng
<b>5</b>	<b>Sở Y tế</b>					<b>1.300</b>	
-		Thực hiện triển khai thí điểm bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	4.000	Thuê dịch vụ	2023-2025	1.300	
<b>6</b>	<b>Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh</b>					<b>3.679</b>	
-		Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn	18.393	Thuê dịch vụ	2023-2027	3.679	
<b>7</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>					<b>9.219</b>	
-		Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh	3.730	Thuê dịch vụ	2023-2028	746	
-		Triển khai Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)	10.000	Thuê dịch vụ	2022-2026	2.500	Năm 2022 chưa thực hiện được
-		Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) của tỉnh	3.461	Đầu tư	2022-2023	2.423	Năm 2022 đã giải ngân 1.038 triệu đồng

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Tổng kinh phí thực hiện	Hình thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Số kinh phí bố trí	Ghi chú
		Thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống HNTHTT đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	2.515	Thuê dịch vụ	2022-2024	429	Năm 2021 giải ngân 48 triệu (tiên tư vãn lập kế hoạch thuê); năm 2022 đã giải ngân 801 triệu đồng tiền thuê dịch vụ, chưa chi chi phí quản lý. Do đó bố trí năm 2023 400 triệu tiền thuê dịch vụ 6 tháng đầu năm và 29 triệu chi phí quản lý dự án
-		Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT phần mềm QLTT cán bộ, công chức, viên chức và lao động HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ	5.274	Thuê dịch vụ	2019-2023	847	Đến hết 2022 đã giải ngân 4.410 triệu đồng, dư phần chi phí quản lý
-		Hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh			2023 và các năm sau	200	Nhiệm vụ thường xuyên
-		Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh			2023 và các năm sau	204	Nhiệm vụ thường xuyên
-		Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các Hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh			2023 và các năm sau	150	Nhiệm vụ thường xuyên
-		Hoạt động diễn tập thực chiến			2023	350	Nhiệm vụ thường xuyên
-		Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực			2023	350	
-		Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và tổ chức lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn			2023 và các năm sau	200	
-		Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn			2023	270	
-		Mua bộ thiết bị đầu cuối tại điểm cầu Hội trường tỉnh	550	Đầu tư	2023	550	
<b>8</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và Xã hội</b>					<b>182</b>	
-		Xây dựng và triển khai hệ thống “Quản lý Giáo dục nghề nghiệp – Đào tạo nghề” tỉnh Bắc Kạn	2.376	Đầu tư	2022-2023	182	Năm 2022 đã giải ngân 2.194 triệu đồng
<b>9</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>					<b>2.685</b>	
-		Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh	3.934	Đầu tư	2022-2023	2.685	Năm 2022 đã giải ngân số tiền 1.249 triệu đồng
<b>10</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					<b>952</b>	

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Tổng kinh phí thực hiện	Hình thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Số kinh phí bố trí	Ghi chú
-		Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin "Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn"	2856	Thuê dịch vụ	2021-2024	952	Giai đoạn 2021 - 2022 đã giải ngân tổng số tiền 1,190 triệu đồng, theo tiến độ hợp đồng năm 2023 số kinh phí cần bố trí là 952 triệu đồng, năm 2024 là 714 triệu đồng
<b>11</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>					<b>150</b>	
-		Mua máy tính phục vụ chuyên đổi số		Đầu tư	2023	150	
<b>12</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Pác Nặm</b>					<b>288</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	288	
<b>13</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Ba Bể</b>					<b>432</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	432	
<b>14</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông</b>					<b>403,2</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	403,2	
<b>15</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn</b>					<b>288</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	288	
<b>16</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn</b>					<b>576</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	576	
<b>17</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện thành phố</b>					<b>110,4</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	110,4	
<b>18</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Na Rì</b>					<b>489,6</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	489,6	
<b>19</b>	<b>Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới</b>					<b>403,2</b>	
-		Mua máy tính và máy scan phục vụ bộ phận một cửa cấp xã		Đầu tư	2023	403,2	
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ mới</b>					<b>33.431</b>	
<b>1</b>	<b>Sở Xây dựng</b>					<b>400</b>	

STT	Đơn vị	Nhiệm vụ	Tổng kinh phí thực hiện	Hình thức thực hiện	Thời gian thực hiện	Số kinh phí bố trí	Ghi chú
-		Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với công thông tin điện tử của Sở Xây dựng	400	Cập nhật dữ liệu	2023	400	
<b>2</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>					<b>5.360</b>	
-		Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	7.000	Đầu tư	2023-2024	1.000	
-		Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh	6.800	Đầu tư	2023-2024	2.720	
-		Triển khai hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	4.920	Thuê dịch vụ	2023-2025	1.640	
<b>3</b>	<b>Sở Y tế</b>					<b>1.400</b>	
-		Thực hiện triển khai thí điểm bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế cấp huyện Bạch Thông	3.000	Thuê dịch vụ	2023-2028	600	
-		Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về Y tế (data lake)	2.000	Đầu tư	2023-2025	800	
<b>4</b>	<b>Sở Tài chính</b>					<b>1.800</b>	
-		Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	4.500	Đầu tư	2023-2024	1.800	
<b>5</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>					<b>3.200</b>	
-		Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh	16.000	Thuê dịch vụ	2023-2028	3.200	
<b>6</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>					<b>1.800</b>	
-		Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	4.500	Đầu tư	2023-2024	1.800	
<b>7</b>	<b>Sở Nội vụ</b>					<b>2.000</b>	
-		Thuê Nền tảng dùng chung Ngành Nội vụ.	10.000	Thuê dịch vụ	2023-2028	2.000	
<b>8</b>	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>					<b>8.351</b>	
-		Xây dựng Cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	40.512	Đầu tư	2023-2025	8.351	
<b>9</b>	<b>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội</b>					<b>3.000</b>	
-		Xây dựng CSDL ngành Lao động Thương binh Xã hội giai đoạn 1	7.500	Đầu tư	2023-2025	3.000	
<b>10</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>					<b>3.840</b>	
-		Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch	9.600	Đầu tư	2023-2025	3.840	
<b>11</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>					<b>1.000</b>	
-		Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh	2.500	Đầu tư	2023-2025	1.000	
<b>12</b>	<b>Văn phòng Tỉnh ủy (Báo Bắc Kạn)</b>					<b>1.280</b>	
-		Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số	3.200	Đầu tư	2023-2024	1.280	

**BIỂU PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN CHO CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Đơn vị	Nguồn kinh phí phân bổ và giao dự toán để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023			
		TỔNG CỘNG	Sự nghiệp kinh tế tỉnh điều hành năm 2023	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh điều hành năm 2023	Nguồn thu tiền sử dụng đất thu từ bán trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.864,4</b>	<b>52.374,4</b>	<b>4.190</b>	<b>4.300</b>
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>57.874</b>	<b>49.384</b>	<b>4.190</b>	<b>4.300</b>
1	Văn phòng Tỉnh ủy (Báo Bắc Kạn)	1.280	1.280		
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	3.679	3.679		
3	Sở Thông tin và Truyền thông	14.579	14.579		
4	Sở Tài chính	1.800	1.800		
5	Sở Nội vụ	2.000	2.000		
6	Sở Giao thông vận tải	1.000	1.000		
7	Sở Xây dựng	1.598	1.598		
8	Sở Công thương	3.194	3.194		
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.792	4.792		
10	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3.182	3.182		
11	Sở Khoa học và Công nghệ	4.485	4.485		
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	8.501	4.201		4.300
13	Ban Dân tộc	894	894		
14	Sở Y tế	2.700	2.700		
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	4.190		4.190	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>2990,4</b>	<b>2990,4</b>		
1	Huyện Pác Nặm	288	288		
2	Huyện Ba Bể	432	432		
3	Huyện Ngân Sơn	288	288		
4	Huyện Bạch Thông	403,2	403,2		
5	Thành phố Bắc Kạn	110,4	110,4		
6	Huyện Chợ Đồn	576	576		
7	Huyện Na Rì	489,6	489,6		
8	Huyện Chợ Mới	403,2	403,2		